

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 11C1

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 11C1 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Trần Hồ Minh Tiến

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Phan Gia Bảo	10/06/2008	Vĩnh Long	Kinh	Nam		199 Ấp 3, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
2	Phạm Thái Bình	25/04/2008	Long An	Kinh	Nam		211 Khu phố 2, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
3	Nguyễn Ngọc Diệp	03/07/2008	Long An	Kinh	Nữ		26 Ấp Đông Nhất, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	14/08/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Lãng, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
5	Nguyễn Thành Đạt	01/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		202A Khu phố 2, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
6	Phan Thanh Hải	22/07/2008	Long An	Kinh	Nam		192 Khu phố 4, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
7	Nguyễn Ngọc Hân	22/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		116 ấp 3, Phước Đông, Cần Đức, Long An
8	Đỗ Thành Hậu	23/04/2008	Long An	Kinh	Nam		137A Khu 6, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
9	Trần Thị Kim Hồng	16/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		582 ấp 5, Phước Đông, Cần Đức, Long An
10	Lê Ngân Hương	12/09/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		90 ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
11	Võ Thị Thuý Kiều	16/02/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 3, Tân Ân, Cần Đức, Long An
12	Trần Thị Kim Liên	19/11/2008	Long An	Kinh	Nữ		543 Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
13	Phan Trường Vũ Luân	24/03/2008	Long An	Kinh	Nam		35 Khu phố 4, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	03/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 7, Tân Ân, Cần Đức, Long An
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	27/11/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		330A Khu phố 5, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
16	Phạm Thị Kim Ngân	15/05/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		57 Ấp Lãng, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
17	Nguyễn Phương Ngân	26/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	01/01/2008	Long An	Kinh	Nữ		295 Ấp 6, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
19	Nguyễn Thanh Nhân	06/02/2008	Long An	Kinh	Nam		155 Ấp 2, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
20	Huỳnh Quốc Nhật	06/11/2008	Gia Lai	Kinh	Nam		Ấp 3, Phước Đông, Cần Đức, Long An
21	Ngô Thị Danh Nhi	12/08/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Hòa Quới, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	17/01/2008	Tiền Giang	Kinh	Nữ		450 Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
23	Nguyễn Hoài Như	27/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		156 Ấp 5, Phước Đông, Cần Đức, Long An
24	Trần Thị Huỳnh Như	04/01/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		130 Ấp Tân Mỹ, Mỹ Lệ, Cần Đức, Long An
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	07/04/2008	Long An	Kinh	Nữ		94 Ấp 4, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
26	Đỗ Thanh Phong	03/06/2008	Long An	Kinh	Nam		101 Ấp Đình, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
27	Nguyễn Hoàng Phúc	20/09/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		89A Khu phố 7, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
28	Du Y Phụng	10/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		771 Ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	21/02/2008	Long An	Kinh	Nữ		377 Ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
30	Trần Lê Yến Phương	04/01/2007	Long An	Kinh	Nữ		156 Ấp Đình, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	10/12/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 6, Tân Lân, Cần Đức, Long An
32	Nguyễn Thái Sang	02/01/2008	Long An	Kinh	Nam		408 Ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	10/11/2008	Sóc Trăng	Kinh	Nữ		Ấp 3, Tân Ân, Cần Đức, Long An
34	Nguyễn Việt Thanh	16/08/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		201 ấp Nhà Dài, Tân Lân, Cần Đức, Long An
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	09/10/2006	Long An	Kinh	Nữ		175 Khu phố 8, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	29/01/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		01 Ấp Đình, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
37	Trần Ngọc Anh Thư	16/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		459 Ấp 3, Phước Đông, Cần Đức, Long An
38	Huỳnh Minh Thư	21/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		029 Ấp 1, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	27/09/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		120 ấp Bà Chủ, Tân Lân, Cần Đức, Long An
40	Phan Diệu Tiến	09/10/2007	Long An	Kinh	Nam		47 Ấp 6, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
41	Võ Thị Cẩm Tú	21/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	09/09/2008	Long An	Kinh	Nữ		24 Ấp 4, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/03/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		178 Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
44	Nguyễn Thanh Vinh	11/09/2008	Trà Vinh	Kinh	Nam		368 Chu Văn An, Khu phố 1B, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
45	Trần Ngọc Yến Vy	12/12/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		123 Khu phố 1A, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Phan Ngọc Điệp - lái xe	Huỳnh Mỹ Hạnh - công nhân	
2	Phạm Văn Bay - lái tàu	Ngô Thị Phụng - nội trợ	
3	Nguyễn Trung Dũng - Đi xà lan	Phùng Thị Hương Lan - Nội trợ	
4	Nguyễn Thành Được - lái tàu	Trần Thị Mỹ - nội trợ	
5	Nguyễn Thanh Phong - thợ hồ	Nguyễn Thu Trang - nội trợ	
6	Phan Thanh Phong - Lao động tự do	Lê Thị Mai - Lao động tự do	
7	Nguyễn Văn Chanh - lao động tự do	Nguyễn Thị Thu Nguyệt - buôn bán	
8	Đỗ Văn Thảo - lao động tự do	Trần Mỹ Dung - lao động tự do	
9	Trần Quốc Cường - thợ tiện	Nguyễn Thị Kim Dung - nội trợ	
10		Lê Thị Thu Ngân - lao động tự do	
11	Phạm Hữu Phước - công nhân	Võ Thị Thanh Thúy - công nhân	
12	Trần Xuân Dĩnh - đi tàu	Nguyễn Thị Kim Mai - công nhân	
13	Phan Trường Tuấn Anh - lái xe	Nguyễn Thị Yến Nhi - thợ uốn tóc	
14	Nguyễn Quốc Việt - Thợ hồ	Phạm Thanh Tuyền - Công nhân	
15	Trần Ngọc Đức - buôn bán	Ngô Hồng Thu - nội trợ	
16	Phạm Văn Hải - Lâm hồ	Đỗ Thị Truyền - công nhân	
17	Nguyễn Minh Trung - công nhân	Nguyễn Thị Thủy - công nhân	
18	Nguyễn Hoàng Nhân - công nhân	Nguyễn Thị Linh - công nhân	
19	Nguyễn Thanh Trung - công nhân	Lưu Thị Ngọc Hằng - công nhân	
20	Huỳnh Võ Ân - tài xế	Nguyễn Thị Thu Sương - buôn bán	
21	Ngô Văn Chương - lao động tự do	Trương Thị Sang - nội trợ	
22	Phạm Công Trí - buôn bán	Trần Thị Kiều - buôn bán	
23	Nguyễn Hoàng Tâm - thợ hồ	Lê Minh Hòa - thợ may	
24	Trần Minh Tấn - thợ mộc	Trần Thị Tư - nội trợ	
25	Huỳnh Thanh Tâm - Trang trí nội thất	Nguyễn Thị Ngọc Diệu - Thợ nấu	
26	Đỗ Thanh Sang - công nhân	Nguyễn Ngọc Thạch - nội trợ	
27	Nguyễn Văn Tân - lao động tự do	Đào Thị Ngọc - nội trợ	
28	Du Đức Hùng - công nhân	Nguyễn Kim Yến - công nhân	
29	Nguyễn Minh Hải - Tài xế	Đặng Thị Thu Trang - Nội trợ	
30	Trần Phong Vinh - đi tàu	Lê Thị Ngọc Dung - nội trợ	
31	Huỳnh Quang Kiên - thợ hồ	Đặng Thị Thu Ba - nội trợ	
32	Nguyễn Tấn Thành - đi ghe	Phạm Thị Hồng - đi ghe	
33	Nguyễn Đăng Thành - công nhân	Lê Thị Hồng Loan - công nhân	
34	Nguyễn Văn Cơ - công nhân	Thạch Thị Hòa Ngân - công nhân	
35	Nguyễn Quốc Cường - thợ hồ	Châu Thị Nghi - nội trợ	
36	Hồ Minh Tâm - buôn bán	Nguyễn Thị Kim Tiền - buôn bán	
37	Trần Thanh Truyền - chăn nuôi	Nguyễn Thị Hồng Ngọc - chăn nuôi	
38	Huỳnh Minh Tuấn - công nhân	Nguyễn Thị Tuyết Trinh - nội trợ	
39	Nguyễn Ngọc Thành - Mát	Nguyễn Thị Kim Loan - Thợ may	
40	Phan Trung Hòa - công nhân	Nguyễn Thị Lan - công nhân	
41	Võ Thanh Sơn - đi tàu	Phạm Thị Cẩm Nhung - công nhân	
42	Nguyễn Văn Cuộc - làm ruộng	Phạm Thu Trang - công nhân	
43	Nguyễn Thanh Tú - đi sà lan	Phạm Thị Hồng Trang - đi sà lan	
44	Nguyễn Thiện Thành - Lao động tự do	Phan Thị Chiêm - Buôn bán	
45	Trần Công Danh - Kinh doanh	Võ Thị Hồng Yến - Nội trợ	

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Hồ Minh Tiến	Nguyễn Minh Triều

Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
Trần Hồ Minh Tiến	Nguyễn Minh Triết

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Hồ Minh Tiến	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Hồ Minh Tiến	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
2	Phạm Thái Bình																																	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Diệp																																	0	0	0
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
6	Phan Thanh Hải																																	0	0	0
7	Nguyễn Ngọc Hân																																	0	0	0
8	Đỗ Thành Hậu																																	0	0	0
9	Trần Thị Kim Hồng																																	0	0	0
10	Lê Ngân Hương																																	0	0	0
11	Võ Thị Thuý Kiều																																	0	0	0
12	Trần Thị Kim Liên																																	0	0	0
13	Phan Trường Vũ Luân																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Diễm My																																	0	0	0
15	Trần Thị Ngọc Mỹ																																	0	0	0
16	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
17	Nguyễn Phương Ngân																																	0	0	0
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi																																	0	0	0
19	Nguyễn Thanh Nhân																																	0	0	0
20	Huỳnh Quốc Nhật																																	0	0	0
21	Ngô Thị Danh Nhi																																	0	0	0
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi																																	0	0	0
23	Nguyễn Hoài Như																																	0	0	0
24	Trần Thị Huỳnh Như																																	0	0	0
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như																																	0	0	0
26	Đỗ Thanh Phong																																	0	0	0
27	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0
28	Du Y Phụng																																	0	0	0
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương																																	0	0	0
30	Trần Lê Yến Phương																																	0	0	0
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên																																	0	0	0
32	Nguyễn Thái Sang																																	0	0	0
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh																																	0	0	0
34	Nguyễn Việt Thanh																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo																																	0	0	0
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ																																	0	0	0
37	Trần Ngọc Anh Thư																																	0	0	0
38	Huỳnh Minh Thư																																			

Tỉ lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Hồ Minh Tiến	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trần Hồ Minh Tiến	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4		TS	P	K	
1	Phan Gia Bảo					P																													1	1	0
2	Phạm Thái Bình																																		0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Diệp																																		0	0	0
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung																																		0	0	0
5	Nguyễn Thành Đạt																																		0	0	0
6	Phan Thanh Hải																																		0	0	0
7	Nguyễn Ngọc Hân									P																									1	1	0
8	Đỗ Thành Hậu																																		0	0	0
9	Trần Thị Kim Hồng														P																				1	1	0
10	Lê Ngân Hương																																		0	0	0
11	Võ Thị Thuý Kiều																																		0	0	0
12	Trần Thị Kim Liên																																		0	0	0
13	Phan Trường Vũ Luân																																		0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Diễm My																																		0	0	0
15	Trần Thị Ngọc Mỹ									P																									1	1	0
16	Phạm Thị Kim Ngân																																		0	0	0
17	Nguyễn Phương Ngân																				P														1	1	0
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi																																		0	0	0
19	Nguyễn Thanh Nhân									P																									1	1	0
20	Huỳnh Quốc Nhật																																		0	0	0
21	Ngô Thị Danh Nhi																																		0	0	0
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi																																		0	0	0
23	Nguyễn Hoài Như														P																				1	1	0
24	Trần Thị Huỳnh Như																				P														1	1	0
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như																																		1	1	0
26	Đỗ Thanh Phong																																		0	0	0
27	Nguyễn Hoàng Phúc																																		0	0	0
28	Du Y Phụng																																		0	0	0
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương																																		0	0	0
30	Trần Lê Yến Phương																																		1	1	0
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên																																		0	0	0
32	Nguyễn Thái Sang																																		0	0	0
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh																																		1	1	0
34	Nguyễn Việt Thanh																																		1	1	0
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo																																		0	0	0
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ																																		0	0	0
37	Trần Ngọc Anh Thư																																		0	0	0
38	Huỳnh Minh Thư																																		0	0	0
39	Nguyễn Thị Bảo Thy																																		0	0	0
40	Phan Diệu Tiến																																		0	0	0
41	Võ Thị Cẩm Tú																																		0	0	0
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền																																		1	1	0
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền																																		0	0	0
44	Nguyễn Thanh Vinh																																		1	1	0
45	Trần Ngọc Yến Vy																																		0	0	0
	Tổng số		0	1	0	3	2	0	2	1	0	0	0	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	14	14	0	

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	TS	P	K
1	Phan Gia Bảo																																	0	0	0
2	Phạm Thái Bình																																	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Diệp																																	0	0	0
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung																																	0	0	0
5	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
6	Phan Thanh Hải																																	0	0	0
7	Nguyễn Ngọc Hân																																	0	0	0
8	Đỗ Thành Hậu																																	0	0	0
9	Trần Thị Kim Hồng																																	0	0	0
10	Lê Ngân Hương																																	0	0	0
11	Võ Thị Thuý Kiều																																	0	0	0
12	Trần Thị Kim Liên																																	0	0	0
13	Phan Trường Vũ Luân																																	0	0	0
14	Nguyễn Ngọc Diễm My																																	0	0	0
15	Trần Thị Ngọc Mỹ																																	0	0	0
16	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
17	Nguyễn Phương Ngân																																	0	0	0
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi																																	0	0	0
19	Nguyễn Thanh Nhân																																	0	0	0
20	Huỳnh Quốc Nhật																																	0	0	0
21	Ngô Thị Danh Nhi																																	0	0	0
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi																																	0	0	0
23	Nguyễn Hoài Như																																	0	0	0
24	Trần Thị Huỳnh Như																																	0	0	0
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như																																	0	0	0
26	Đỗ Thanh Phong																																	0	0	0
27	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0
28	Du Y Phụng																																	0	0	0
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương																																	0	0	0
30	Trần Lê Yến Phương																																	0	0	0
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên																																	0	0	0
32	Nguyễn Thái Sang																																	0	0	0
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh																																	0	0	0
34	Nguyễn Việt Thanh																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo																																	0	0	0
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ																																	0	0	0
37	Trần Ngọc Anh Thư																																	0	0	0
38	Huỳnh Minh Thư																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Bảo Thy																																	0	0	0
40	Phan Diệu Tiến																																	0	0	0
41	Võ Thị Cẩm Tú																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền																																	0	0	0
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền																																	0	0	0
44	Nguyễn Thanh Vinh																																	0	0	0
45	Trần Ngọc Yến Vy																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Phan Gia Bảo	8,0	6,0	6,0	8,0		5,0	6,8	6,5	Học khá, có cố gắng.
2	Phạm Thái Bình	8,0	10,0	9,0	9,0		7,0	6,8	7,8	Học khá, có tiến bộ trong học tập.
3	Nguyễn Ngọc Diệp	8,0	8,0	6,0	7,0		5,0	3,8	5,6	Có cố gắng trong học tập.
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	10,0	10,0	10,0		8,3	9,3	9,4	Học tốt, tinh thần tự học cao, có trách nhiệm.
5	Nguyễn Thành Đạt	8,0	4,0	9,0	8,0		4,0	5,0	5,8	Có cố gắng trong học tập.
6	Phan Thanh Hải	8,0	9,0	9,0	8,0		4,0	5,5	6,5	Học khá, có cố gắng.
7	Nguyễn Ngọc Hân	8,0	10,0	10,0	10,0		6,5	7,0	8,0	Chăm ngoan, học giỏi.
8	Đỗ Thành Hậu	7,0	10,0	9,0	9,0		7,5	5,0	7,2	Học khá, có tiến bộ.
9	Trần Thị Kim Hồng	8,0	9,0	9,0	10,0		4,5	4,5	6,5	Học khá, có cố gắng.
10	Lê Ngân Hương	8,0	10,0	8,0	10,0		8,0	7,8	8,4	Học giỏi, ý thức học tốt.
11	Võ Thị Thuý Kiều	10,0	9,0	8,0	10,0		6,0	4,5	6,9	Học khá, có cố gắng.
12	Trần Thị Kim Liên	9,0	9,0	8,0	10,0		6,8	5,8	7,4	Học khá, có tiến bộ.
13	Phan Trường Vũ Luân	10,0	10,0	9,0	10,0		8,0	6,0	8,1	Chăm ngoan, học giỏi.
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	9,0	10,0	10,0	10,0		4,0	5,8	7,2	Học khá, có tiến bộ.
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,0	8,0	6,0	7,0		6,5	5,0	6,3	Có cố gắng trong học tập.
16	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	7,0	4,0	6,0		5,0	4,5	5,5	Có cố gắng trong học tập.
17	Nguyễn Phương Ngân	9,0	4,0	4,0	6,0		5,3	4,8	5,3	Có cố gắng trong học tập.
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	10,0	9,0	7,0	9,0		5,8	4,0	6,5	Học khá, có cố gắng.
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	9,5	9,5	Học tốt, tinh thần tự học cao, tích cực học.
20	Huỳnh Quốc Nhật	7,0	6,0	7,0	8,0		5,0	6,3	6,3	Có cố gắng trong học tập.
21	Ngô Thị Danh Nhi	10,0	7,0	10,0	9,0		8,0	9,0	8,8	Học giỏi, ý thức học tốt.
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	7,0	9,0	10,0	8,0		6,5	6,5	7,4	Học khá, có tiến bộ.
23	Nguyễn Hoài Như	7,0	5,0	4,0	7,0		6,3	5,0	5,6	Có cố gắng trong học tập.
24	Trần Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	10,0	9,0		7,5	7,8	8,5	Học giỏi, ý thức học tốt.
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	10,0	9,0	9,0	10,0		8,0	9,0	9,0	Học tốt,tích cực học.
26	Đỗ Thanh Phong	8,0	9,0	7,0	8,0		5,0	5,5	6,5	Học khá, có cố gắng.
27	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	8,0	8,0	8,0		5,0	5,5	6,5	Học khá, có cố gắng.
28	Du Y Phụng	7,0	5,0	4,0	5,0		6,0	4,0	5,0	Có cố gắng trong học tập.
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	9,0	7,0	5,0	8,0		5,8	4,0	5,8	Có cố gắng trong học tập.
30	Trần Lê Yến Phương	6,0	7,0	5,0	6,0		4,0	5,0	5,2	Có cố gắng trong học tập.
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	8,0	10,0	10,0	10,0		7,3	7,5	8,3	Học giỏi, ý thức học tốt.
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	8,0	5,0	9,0		6,3	5,5	6,5	Học khá, có cố gắng.
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	8,0	8,0	7,0	7,0		7,3	6,8	7,2	Học khá, có tiến bộ.
34	Nguyễn Việt Thanh	7,0	5,0	6,0	7,0		3,5	4,5	5,1	Có cố gắng trong học tập.
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	7,0	9,0	7,0	8,0		6,3	5,0	6,5	Học khá, có cố gắng.
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	7,0	4,0	5,0	7,0		3,5	5,0	5,0	Có cố gắng trong học tập.
37	Trần Ngọc Anh Thư	8,0	8,0	8,0	9,0		5,3	5,3	6,6	Học khá, có cố gắng.
38	Huỳnh Minh Thư	9,0	10,0	8,0	10,0		8,5	8,5	8,8	Học giỏi, ý thức học tốt.
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	8,0	7,0	10,0	9,0		7,3	7,0	7,7	Học khá, tích cực trong học tập.
40	Phan Diệu Tiến	9,0	10,0	9,0	9,0		6,5	6,0	7,6	Học khá, tích cực trong học tập.
41	Võ Thị Cẩm Tú	10,0	8,0	9,0	9,0		6,8	6,3	7,6	Học khá, tích cực trong học tập.
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	10,0	10,0	10,0		9,3	8,0	9,2	Học tốt, tích cực học.
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	9,0	10,0	9,0		8,0	6,5	8,1	Học giỏi, ý thức học tốt.
44	Nguyễn Thanh Vinh	7,0	4,0	3,0	5,0		3,5	2,3	3,7	Cần cố gắng nhiều.
45	Trần Ngọc Yến Vy	8,0	10,0	10,0	9,0		6,0	6,0	7,4	Học khá, có tiến bộ.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Xuân

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhh	Ghi Chú		
1	Phan Gia Bảo	7,0	8,0	8,0			7,8	9,0	8,2	Chăm, ngoan, có cố gắng		
2	Phạm Thái Bình	7,0	8,0	8,0			7,3	8,0	7,7	Học khá. Chăm, ngoan		
3	Nguyễn Ngọc Diệp	7,0	7,0	8,0			7,8	9,3	8,2	Chăm, ngoan, có cố gắng		
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	9,0	10,0	9,0			9,8	10,0	9,7	Học tốt. Chăm, ngoan		
5	Nguyễn Thành Đạt	7,0	8,0	8,0			5,5	9,0	7,6	Học khá. Chăm, ngoan		
6	Phan Thanh Hải	7,0	9,0	8,0			8,5	8,8	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
7	Nguyễn Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0			9,0	9,8	8,8	Chăm, ngoan, có cố gắng		
8	Đỗ Thành Hậu	7,0	8,0	8,0			7,8	9,3	8,3	Chăm, ngoan, có cố gắng		
9	Trần Thị Kim Hồng	7,0	7,0	8,0			8,0	9,5	8,3	Chăm, ngoan, có cố gắng		
10	Lê Ngân Hương	8,0	7,0	8,0			8,0	9,5	8,4	Chăm, ngoan, có cố gắng		
11	Võ Thị Thuý Kiều	8,0	7,0	8,0			8,5	9,3	8,5	Chăm, ngoan, có cố gắng		
12	Trần Thị Kim Liên	7,0	7,0	8,0			8,3	9,8	8,5	Chăm, ngoan, có cố gắng		
13	Phan Trường Vũ Luân	8,0	7,0	9,0			9,0	10,0	9,0	Học tốt. Chăm, ngoan		
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	7,0	8,0	8,0			5,0	8,0	7,1	Học khá. Chăm, ngoan		
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,0	9,0	8,0			9,0	9,0	8,8	Chăm, ngoan, có cố gắng		
16	Phạm Thị Kim Ngân	8,0	7,0	8,0			7,5	9,5	8,3	Chăm, ngoan, có cố gắng		
17	Nguyễn Phương Ngân	8,0	7,0	8,0			6,0	6,5	6,8	Chăm, ngoan, cần cố gắng hơn		
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	8,0	8,0	8,0			7,8	9,3	8,4	Chăm, ngoan, có cố gắng		
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	9,0	9,0			9,5	10,0	9,6	Học tốt. Chăm, ngoan		
20	Huỳnh Quốc Nhật	8,0	7,0	8,0			8,5	9,8	8,7	Chăm, ngoan, có cố gắng		
21	Ngô Thị Danh Nhi	9,0	10,0	9,0			9,5	10,0	9,6	Học tốt. Chăm, ngoan		
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	8,0	8,0	8,0			8,5	9,0	8,5	Chăm, ngoan, có cố gắng		
23	Nguyễn Hoài Như	9,0	8,0	8,0			7,8	8,8	8,4	Chăm, ngoan, có cố gắng		
24	Trần Thị Huỳnh Như	8,0	9,0	8,0			8,5	9,8	8,9	Chăm, ngoan, có cố gắng		
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	8,0	9,0	8,0			9,3	9,8	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
26	Đỗ Thanh Phong	8,0	8,0	8,0			8,3	8,8	8,4	Chăm, ngoan, có cố gắng		
27	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	7,0	8,0			5,5	8,5	7,4	Học khá. Chăm, ngoan		
28	Du Y Phụng	7,0	7,0	8,0			6,8	9,3	7,9	Học khá. Chăm, ngoan		
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	8,0	7,0	8,0			7,3	8,5	7,9	Học khá. Chăm, ngoan		
30	Trần Lê Yến Phương	8,0	7,0	8,0			6,8	6,3	6,9	Chăm, ngoan, cần cố gắng hơn		
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	8,0	7,0	8,0			8,8	10,0	8,8	Chăm, ngoan, có cố gắng		
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	7,0	8,0			7,0	8,8	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	7,0	7,0	8,0			6,8	9,0	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
34	Nguyễn Việt Thanh	8,0	8,0	8,0			7,5	8,5	8,1	Chăm, ngoan, có cố gắng		
35	Nguyễn Thị Ngân Tháo	8,0	8,0	8,0			7,8	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có cố gắng		
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	7,0	8,0	8,0			8,5	10,0	8,8	Chăm, ngoan, có cố gắng		
37	Trần Ngọc Anh Thư	7,0	8,0	8,0			7,8	8,0	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
38	Huỳnh Minh Thư	8,0	7,0	8,0			9,3	9,3	8,7	Chăm, ngoan, có cố gắng		
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	7,0	7,0	8,0			8,8	9,3	8,4	Chăm, ngoan, có cố gắng		
40	Phan Diệu Tiến	7,0	7,0	8,0			7,0	10,0	8,3	Chăm, ngoan, có cố gắng		
41	Võ Thị Cẩm Tú	9,0	8,0	9,0			7,8	9,8	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	9,0	8,0			9,8	10,0	9,3	Học tốt. Chăm, ngoan		
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	8,0	9,0			8,5	10,0	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
44	Nguyễn Thanh Vinh	7,0	8,0	8,0			7,3	5,7	6,8	Chăm, ngoan, cần cố gắng hơn		
45	Trần Ngọc Yến Vy	8,0	8,0	8,0			8,5	10,0	8,9	Chăm, ngoan, có cố gắng		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhh	Ghi Chú		
1	Phan Gia Bảo	10,0	9,0	7,0			7,8	7,3	7,9	Chăm, ngoan, học khá		
2	Phạm Thái Bình	9,0	8,0	8,0			6,0	8,0	7,6	Chăm, ngoan, học khá		
3	Nguyễn Ngọc Diệp	9,0	8,0	6,0			7,8	8,0	7,8	Chăm, ngoan, học khá		
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	9,0	6,0			8,5	9,0	8,6	Chăm, ngoan, học giỏi.		
5	Nguyễn Thành Đạt	9,0	8,0	7,0			4,5	6,8	6,7	Chăm, ngoan, học khá		
6	Phan Thanh Hải	10,0	8,0	7,0			6,8	7,3	7,6	Chăm, ngoan, học khá		
7	Nguyễn Ngọc Hân	10,0	8,0	7,0			9,8	8,8	8,9	Chăm, ngoan, học giỏi.		
8	Đỗ Thành Hậu	9,0	8,0	6,0			6,8	8,3	7,7	Chăm, ngoan, học khá		
9	Trần Thị Kim Hồng	9,0	8,0	8,0			7,3	7,5	7,8	Chăm, ngoan, học khá		
10	Lê Ngân Hương	10,0	8,0	6,0			8,0	8,3	8,1	Chăm, ngoan, học giỏi.		
11	Võ Thị Thuý Kiều	10,0	8,0	7,0			8,0	7,8	8,1	Chăm, ngoan, học giỏi.		
12	Trần Thị Kim Liên	9,0	8,0	6,0			7,3	8,3	7,8	Chăm, ngoan, học khá		
13	Phan Trường Vũ Luân	10,0	8,0	7,0			4,8	7,3	7,1	Chăm, ngoan, học khá		
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	10,0	8,0	8,0			4,8	6,8	7,0	Chăm, ngoan, học khá		
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	10,0	9,0	7,0			9,3	8,5	8,8	Chăm, ngoan, học giỏi.		
16	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	8,0	8,0			8,0	7,3	7,9	Chăm, ngoan, học khá		
17	Nguyễn Phương Ngân	10,0	8,0	8,0			6,8	6,5	7,4	Chăm, ngoan, học khá		
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	9,0	10,0	7,0			6,3	7,8	7,8	Chăm, ngoan, học khá		
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	9,0	9,0			9,3	8,5	9,0	Chăm, ngoan, học giỏi.		
20	Huỳnh Quốc Nhật	10,0	8,0	7,0			8,0	8,3	8,2	Chăm, ngoan, học giỏi.		
21	Ngô Thị Danh Nhi	10,0	9,0	7,0			8,3	8,8	8,6	Chăm, ngoan, học giỏi.		
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	9,0	8,0	8,0			8,8	7,3	8,1	Chăm, ngoan, học giỏi.		
23	Nguyễn Hoài Như	9,0	8,0	8,0			7,5	6,8	7,6	Chăm, ngoan, học khá		
24	Trần Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	8,0			9,0	8,3	8,7	Chăm, ngoan, học giỏi.		
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	10,0	10,0	9,0			6,8	8,3	8,4	Chăm, ngoan, học giỏi.		
26	Đỗ Thanh Phong	10,0	4,0	6,0			6,3	7,5	6,9	Chăm, ngoan, học khá		
27	Nguyễn Hoàng Phúc	9,0	8,0	7,0			6,8	6,3	7,1	Chăm, ngoan, học khá		
28	Du Y Phụng	9,0	8,0	7,0			7,8	6,0	7,2	Chăm, ngoan, học khá		
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	9,0	9,0	7,0			8,0	6,8	7,7	Chăm, ngoan, học khá		
30	Trần Lê Yến Phương	10,0	7,0	8,0			6,0	7,0	7,3	Chăm, ngoan, học khá		
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	10,0	8,0	7,0			6,5	8,8	8,1	Chăm, ngoan, học giỏi.		
32	Nguyễn Thái Sang	9,0	9,0	8,0			6,8	7,0	7,6	Chăm, ngoan, học khá		
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	9,0	10,0	7,0			7,3	6,3	7,4	Chăm, ngoan, học khá		
34	Nguyễn Việt Thanh	10,0	9,0	8,0			8,3	7,5	8,3	Chăm, ngoan, học giỏi.		
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	9,0	10,0	7,0			6,0	7,3	7,5	Chăm, ngoan, học khá		
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	9,0	9,0	6,0			7,5	7,5	7,7	Chăm, ngoan, học khá		
37	Trần Ngọc Anh Thư	9,0	8,0	7,0			7,0	6,8	7,3	Chăm, ngoan, học khá		
38	Huỳnh Minh Thư	9,0	10,0	7,0			8,3	8,5	8,5	Chăm, ngoan, học giỏi.		
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	9,0	8,0	8,0			6,8	8,3	7,9	Chăm, ngoan, học khá		
40	Phan Diệu Tiến	9,0	8,0	6,0			7,0	5,8	6,8	Chăm, ngoan, học khá		
41	Võ Thị Cẩm Tú	10,0	8,0	6,0			7,3	8,5	8,0	Chăm, ngoan, học giỏi.		
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	8,0	7,0			9,0	8,3	8,5	Chăm, ngoan, học giỏi.		
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	10,0	7,0			8,8	8,3	8,6	Chăm, ngoan, học giỏi.		
44	Nguyễn Thanh Vinh	9,0	8,0	6,0			4,8	5,3	6,1	Ngoan, hiền.		
45	Trần Ngọc Yến Vy	9,0	8,0	7,0			6,3	6,3	6,9	Chăm, ngoan, học khá.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Liên, Phạm Thị Thu

Ngữ văn HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Phan Gia Bảo	8,0	9,0	10,0	10,0		8,0	8,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan	
2	Phạm Thái Bình	6,0	7,0	8,0	8,0		7,0	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan	
3	Nguyễn Ngọc Diệp	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan	
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	8,0	9,0	10,0	8,0		8,5	8,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan	
5	Nguyễn Thành Đạt	7,0	8,0	7,0	8,0		6,0	5,5	6,5	Học khá, chăm ngoan	
6	Phan Thanh Hải	7,0	8,0	7,0	8,0		7,0	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan	
7	Nguyễn Ngọc Hân	6,0	7,0	8,0	8,0		7,5	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan	
8	Đỗ Thành Hậu	7,0	8,0	8,0	7,0		7,5	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan	
9	Trần Thị Kim Hồng	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,7	Học khá, chăm ngoan	
10	Lê Ngân Hương	8,0	9,0	8,0	7,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan	
11	Võ Thị Thuý Kiều	8,0	9,0	8,0	7,0		7,5	8,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan	
12	Trần Thị Kim Liên	6,0	7,0	8,0	9,0		7,5	8,0	7,7	Học khá, chăm ngoan	
13	Phan Trường Vũ Luân	6,0	7,0	8,0	9,0		6,5	8,0	7,4	Học khá, chăm ngoan	
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	7,0	8,0	9,0	8,0		6,5	7,5	7,5	Học khá, chăm ngoan	
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	7,0	8,0	9,0	7,0		8,0	6,5	7,4	Học khá, chăm ngoan	
16	Phạm Thị Kim Ngân	6,0	7,0	8,0	8,0		6,0	7,5	7,1	Học khá, chăm ngoan	
17	Nguyễn Phương Ngân	7,0	8,0	9,0	8,0		6,5	6,5	7,2	Học khá, chăm ngoan	
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	8,0	9,0	9,0	9,0		7,5	8,0	8,2	Học tốt, chăm ngoan	
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	9,0	10,0		8,5	9,5	9,4	Học giỏi, chăm ngoan	
20	Huỳnh Quốc Nhật	8,0	9,0	8,0	9,0		6,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan	
21	Ngô Thị Danh Nhi	8,0	9,0	10,0	9,0		8,5	8,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan	
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	7,0	8,0	8,0	8,0		8,0	8,0	7,9	Học khá, chăm ngoan	
23	Nguyễn Hoài Như	7,0	8,0	7,0	8,0		7,5	8,0	7,7	Học khá, chăm ngoan	
24	Trần Thị Huỳnh Như	6,0	7,0	8,0	9,0		8,5	9,0	8,2	Học tốt, chăm ngoan	
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	7,0	7,0	8,0	9,0		8,0	7,0	7,6	Học khá, chăm ngoan	
26	Đỗ Thanh Phong	7,0	8,0	8,0	8,0		6,0	5,5	6,6	Học khá, chăm ngoan	
27	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	7,0	8,0	7,0		7,0	6,0	6,9	Học khá, chăm ngoan	
28	Du Y Phụng	7,0	8,0	8,0	7,0		6,0	6,0	6,7	Học khá, chăm ngoan	
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	7,0	8,0	7,0	7,0		7,0	6,0	6,8	Học khá, chăm ngoan	
30	Trần Lê Yến Phương	6,0	6,0	5,0	6,0		4,5	5,0	5,2	Học được, cần cố gắng trong học tập	
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	6,0	7,0	9,0	9,0		8,0	8,0	7,9	Học khá, chăm ngoan	
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	8,0	8,0	7,0		5,0	4,5	5,9	Học được, cần cố gắng trong học tập	
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	8,0	8,0	7,0	9,0		7,0	8,5	7,9	Học khá, chăm ngoan	
34	Nguyễn Việt Thanh	6,0	7,0	7,0	6,0		7,5	6,0	6,6	Học khá, chăm ngoan	
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	8,0	9,0	8,0	7,0		6,0	5,6	6,8	Học khá, chăm ngoan	
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	7,0	8,0	8,0	6,0		5,0	7,0	6,7	Học khá, chăm ngoan	
37	Trần Ngọc Anh Thư	8,0	9,0	8,0	7,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan	
38	Huỳnh Minh Thư	7,0	8,0	8,0	9,0		8,0	8,5	8,2	Học tốt, chăm ngoan	
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	8,0	9,0	7,0	6,0		7,5	8,0	7,7	Học khá, chăm ngoan	
40	Phan Diệu Tiến	8,0	9,0	7,0	6,0		7,5	8,0	7,7	Học khá, chăm ngoan	
41	Võ Thị Cẩm Tú	6,0	7,0	9,0	8,0		7,0	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan	
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	7,0	8,0	8,0	8,0		8,0	8,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan	
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	7,0	8,0	10,0	10,0		8,5	8,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan	
44	Nguyễn Thanh Vinh	5,0	5,0	6,0	6,0		4,0	6,0	5,3	Học được, cần cố gắng trong học tập	
45	Trần Ngọc Yến Vy	7,0	8,0	8,0	8,0		6,5	5,0	6,6	Học khá, chăm ngoan	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú	
1	Phan Gia Bảo	9,0	9,0	9,0			8,8	10,0	9,3	Học tốt chăm ngoan	
2	Phạm Thái Bình	7,0	8,0	9,0			8,8	8,5	8,4	Học tốt chăm ngoan	
3	Nguyễn Ngọc Diệp	7,0	9,0	9,0			8,5	8,8	8,6	Học tốt chăm ngoan	
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	9,0	9,0	9,0			9,5	9,0	9,1	Học tốt chăm ngoan	
5	Nguyễn Thành Đạt	9,0	8,0	8,0			9,3	8,5	8,6	Học tốt chăm ngoan	
6	Phan Thanh Hải	5,0	8,0	9,0			8,3	8,3	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
7	Nguyễn Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			8,0	8,3	8,5	Học tốt chăm ngoan	
8	Đỗ Thành Hậu	7,0	8,0	9,0			6,3	8,8	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
9	Trần Thị Kim Hồng	7,0	9,0	9,0			8,8	8,8	8,6	Học tốt chăm ngoan	
10	Lê Ngân Hương	8,0	9,0	9,0			8,8	8,3	8,6	Học tốt chăm ngoan	
11	Võ Thị Thuý Kiều	9,0	9,0	9,0			8,8	8,5	8,8	Học tốt chăm ngoan	
12	Trần Thị Kim Liên	8,0	8,0	9,0			8,5	8,8	8,6	Học tốt chăm ngoan	
13	Phan Trường Vũ Luân	9,0	8,0	9,0			7,8	9,0	8,6	Học tốt chăm ngoan	
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	8,0	8,0	8,0			7,8	8,0	8,0	Học tốt chăm ngoan	
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,0	9,0	9,0			9,0	9,0	8,9	Học tốt chăm ngoan	
16	Phạm Thị Kim Ngân	5,0	9,0	9,0			6,8	8,8	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
17	Nguyễn Phương Ngân	9,0	9,0	9,0			7,8	9,0	8,7	Học tốt chăm ngoan	
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	9,0	9,0	9,0			8,8	8,8	8,9	Học tốt chăm ngoan	
19	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	9,0	10,0			9,3	10,0	9,5	Học tốt chăm ngoan	
20	Huỳnh Quốc Nhật	9,0	8,0	9,0			8,8	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
21	Ngô Thị Danh Nhi	9,0	9,0	9,0			10,0	9,0	9,3	Học tốt chăm ngoan	
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	9,0	8,0	7,0			5,8	8,8	7,8	Cần cố gắng ở HK 2	
23	Nguyễn Hoài Như	9,0	7,0	9,0			6,8	8,8	8,1	Học tốt chăm ngoan	
24	Trần Thị Huỳnh Như	9,0	9,0	9,0			9,3	9,0	9,1	Học tốt chăm ngoan	
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	8,0	9,0	9,0			9,0	8,3	8,6	Học tốt chăm ngoan	
26	Đỗ Thanh Phong	6,0	9,0	8,0			5,3	8,3	7,3	Học khá	
27	Nguyễn Hoàng Phúc	9,0	7,0	9,0			8,0	8,5	8,3	Học tốt chăm ngoan	
28	Du Y Phụng	5,0	8,0	9,0			6,5	8,8	7,7	Học khá	
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	6,0	7,0	9,0			6,5	8,8	7,7	Học khá	
30	Trần Lê Yến Phương	5,0	1,0	8,0			7,5	8,0	6,6	Cần cố gắng	
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	9,0	9,0	9,0			8,8	8,3	8,7	Học tốt chăm ngoan	
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	8,0	9,0			8,0	8,8	8,3	Học tốt chăm ngoan	
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	5,0	7,0	9,0			7,3	8,8	7,8	Cần cố gắng ở HK 2	
34	Nguyễn Việt Thanh	5,0	8,0	9,0			7,5	8,0	7,6	Học khá	
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	9,0	9,0	9,0			8,8	8,0	8,6	Học tốt chăm ngoan	
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	8,0	8,0	9,0			8,8	8,8	8,6	Học tốt chăm ngoan	
37	Trần Ngọc Anh Thư	7,0	9,0	9,0			7,3	8,8	8,3	Học tốt chăm ngoan	
38	Huỳnh Minh Thư	7,0	9,0	9,0			8,3	9,0	8,6	Học tốt chăm ngoan	
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	8,0	9,0	9,0			7,5	8,8	8,4	Học tốt chăm ngoan	
40	Phan Diệu Tiến	9,0	8,0	9,0			7,5	8,8	8,4	Học tốt chăm ngoan	
41	Võ Thị Cẩm Tú	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	Học tốt chăm ngoan	
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	8,0	9,0			8,8	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	9,0	9,0			8,3	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
44	Nguyễn Thanh Vinh	6,0	8,0	9,0			7,5	8,5	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
45	Trần Ngọc Yến Vy	7,0	9,0	9,0			7,8	8,8	8,4	Học tốt chăm ngoan	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ I											
Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Phan Gia Bảo	8,0	7,0	9,0	9,0		9,0	9,0	8,7	Chăm ngoan, học giỏi	
2	Phạm Thái Bình	10,0	2,0	9,0	8,0		6,0	6,3	6,7	Chăm ngoan, học khá	
3	Nguyễn Ngọc Diệp	8,0	7,0	9,0	9,0		8,5	3,8	6,8	Chăm ngoan, học khá	
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	9,0	10,0	10,0	9,0		9,5	9,5	9,5	Chăm ngoan, học giỏi	
5	Nguyễn Thành Đạt	8,0	7,0	9,0	6,0		4,5	6,5	6,5	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
6	Phan Thanh Hải	8,0	9,0	9,0	7,0		6,5	4,5	6,6	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
7	Nguyễn Ngọc Hân	9,0	10,0	9,0	9,0		6,5	8,3	8,3	Chăm ngoan, học giỏi	
8	Đỗ Thành Hậu	9,0	7,0	9,0	7,0		6,0	6,5	7,1	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
9	Trần Thị Kim Hồng	8,0	9,0	9,0	7,0		8,0	8,5	8,3	Chăm ngoan, học giỏi	
10	Lê Ngân Hương	8,0	9,0	9,0	8,0		8,0	9,3	8,7	Chăm ngoan, học giỏi	
11	Võ Thị Thuý Kiều	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	6,8	8,0	Chăm ngoan, học giỏi	
12	Trần Thị Kim Liên	8,0	9,0	9,0	9,0		7,5	7,3	8,0	Chăm ngoan, học giỏi	
13	Phan Trường Vũ Luân	9,0	7,0	9,0	8,0		8,0	8,0	8,1	Chăm ngoan, học giỏi	
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	8,0	9,0	9,0	7,0		6,5	6,3	7,2	Chăm ngoan, học khá	
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,0	7,0	9,0	9,0		5,5	7,0	7,2	Chăm ngoan, học khá	
16	Phạm Thị Kim Ngân	8,0	8,0	9,0	7,0		8,5	5,3	7,2	Chăm ngoan, học khá	
17	Nguyễn Phương Ngân	8,0	9,0	2,0	5,0		7,5	6,0	6,3	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	8,0	8,0	9,0	9,0		8,0	4,0	6,9	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
19	Nguyễn Thanh Nhân	9,0	9,0	9,0	10,0		8,5	9,3	9,1	Chăm ngoan, học giỏi	
20	Huỳnh Quốc Nhật	8,0	10,0	9,0	8,0		8,0	8,0	8,3	Chăm ngoan, học giỏi	
21	Ngô Thị Danh Nhi	9,0	9,0	9,0	9,0		10,0	8,8	9,2	Chăm ngoan, học giỏi	
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	8,0	9,0	9,0	7,0		6,5	9,3	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
23	Nguyễn Hoài Như	9,0	9,0	1,0	8,0		4,0	3,5	5,1	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
24	Trần Thị Huỳnh Như	8,0	10,0	9,0	7,0		9,5	9,8	9,2	Chăm ngoan, học giỏi	
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	8,0	9,0	9,0	8,0		8,0	7,8	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
26	Đỗ Thanh Phong	10,0	9,0	9,0	7,0		4,0	6,5	6,9	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
27	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	7,0	9,0	9,0		7,5	3,3	6,4	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
28	Du Y Phụng	10,0	8,0	9,0	6,0		8,5	3,0	6,6	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	7,0	1,0	9,0	9,0		9,0	5,8	6,8	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
30	Trần Lê Yến Phương	7,0	1,0	8,0	6,0		6,5	7,8	6,5	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	8,0	9,0	9,0	9,0		9,0	8,8	8,8	Chăm ngoan, học giỏi	
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	9,0	9,0	7,0		5,0	5,3	6,4	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	8,0	7,0	9,0	3,0		5,5	6,3	6,3	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
34	Nguyễn Việt Thanh	8,0	9,0	9,0	3,0		4,5	5,3	6,0	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	8,0	7,0	9,0	9,0		8,5	1,5	6,1	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	8,0	8,0	9,0	7,0		6,5	6,0	7,0	Chăm ngoan, học khá	
37	Trần Ngọc Anh Thư	8,0	7,0	9,0	9,0		6,5	7,0	7,4	Chăm ngoan, học khá	
38	Huỳnh Minh Thư	8,0	9,0	10,0	8,0		7,5	8,5	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	8,0	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
40	Phan Diệu Tiến	8,0	7,0	9,0	8,0		9,0	5,8	7,5	Chăm ngoan, học khá	
41	Võ Thị Cẩm Tú	8,0	7,0	9,0	9,0		8,5	7,5	8,1	Chăm ngoan, học giỏi	
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	9,0	9,0	7,0		9,0	8,5	8,5	Chăm ngoan, học giỏi	
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	7,8	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
44	Nguyễn Thanh Vinh	7,0	1,0	9,0	5,0		4,5	1,0	3,8	Cần cố gắng hơn nữa trong học tập	
45	Trần Ngọc Yến Vy	8,0	8,0	9,0	9,0		5,0	6,5	7,1	Chăm ngoan, học khá	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

HỌC KỲ I

Ngoại ngữ 1

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Phan Gia Bảo	8,0	10,0	8,5	10,0		6,0	4,6	6,9	Học khá, chăm
2	Phạm Thái Bình	9,0	10,0	9,5	10,0		8,0	6,4	8,2	Giỏi, chăm, ngoan
3	Nguyễn Ngọc Diệp	9,0	10,0	8,0	10,0		4,5	5,6	7,0	Học khá, chăm, ngoan
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	9,2	9,4	Giỏi, chăm, ngoan, cần phát huy
5	Nguyễn Thành Đạt	6,0	9,5	10,0	7,0		5,8	7,8	7,5	Học khá, chăm, ngoan
6	Phan Thanh Hải	7,0	10,0	9,0	10,0		7,0	5,6	7,4	Học khá, chăm, ngoan
7	Nguyễn Ngọc Hân	9,0	10,0	10,0	10,0		5,5	6,2	7,6	Học khá, chăm, ngoan
8	Đỗ Thành Hậu	9,0	10,0	9,5	10,0		8,3	6,4	8,3	Giỏi, chăm, ngoan
9	Trần Thị Kim Hồng	10,0	10,0	10,0	6,5		4,5	5,8	7,0	Học khá, chăm, ngoan
10	Lê Ngân Hương	9,0	10,0	10,0	9,0		7,3	4,8	7,4	Học khá, chăm, ngoan
11	Võ Thị Thuý Kiều	10,0	4,5	10,0	2,5		7,8	4,0	6,1	Học được, chăm
12	Trần Thị Kim Liên	9,0	10,0	9,5	10,0		7,0	6,0	7,8	Học khá, chăm, ngoan
13	Phan Trường Vũ Luân	9,0	9,0	9,5	7,0		6,2	4,6	6,7	Học khá, chăm
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	7,5	10,0	9,0	10,0		5,8	8,0	8,0	Giỏi, chăm, ngoan
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	8,0	9,0	Giỏi, chăm, ngoan, cần phát huy
16	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	10,0	10,0	4,0		4,5	6,2	6,7	Học khá, chăm
17	Nguyễn Phương Ngân	9,0	10,0	9,5	10,0		3,8	4,6	6,7	Học khá, chăm
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	9,0	10,0	9,5	1,1		4,5	4,5	5,8	Học được, cần cố gắng thêm ở HKII
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	8,6	9,2	Giỏi, chăm, ngoan, cần phát huy
20	Huỳnh Quốc Nhật	10,0	8,5	7,5	6,0		7,0	6,6	7,3	Học khá, chăm, ngoan
21	Ngô Thị Danh Nhi	9,5	10,0	10,0	9,5		8,0	8,8	9,0	Giỏi, chăm, ngoan, cần phát huy
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	9,0	10,0	8,0	10,0		7,3	6,6	7,9	Học khá, chăm, ngoan
23	Nguyễn Hoài Như	10,0	10,0	7,5	9,0		3,8	5,2	6,6	Học khá, chăm
24	Trần Thị Huỳnh Như	9,0	10,0	10,0	9,0		7,6	6,8	8,2	Giỏi, chăm, ngoan
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	9,0	10,0	9,5	10,0		8,8	7,2	8,6	Giỏi, chăm, ngoan
26	Đỗ Thanh Phong	10,0	5,0	5,5	6,0		4,8	5,8	5,9	Học được, cần cố gắng thêm ở HKII
27	Nguyễn Hoàng Phúc	10,0	9,0	9,5	8,5		8,3	5,0	7,6	Học khá, chăm, ngoan
28	Du Y Phụng	10,0	7,5	10,0	7,0		7,4	7,0	7,8	Học khá, chăm, ngoan
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	10,0	10,0	10,0	6,0		5,8	5,2	7,0	Học khá, chăm
30	Trần Lê Yến Phương	10,0	4,5	3,5	5,0		5,0	2,8	4,6	Cần cố gắng nhiều hơn nữa
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	10,0	9,0	10,0	3,0		7,8	5,6	7,2	Học khá, chăm, ngoan
32	Nguyễn Thái Sang	10,0	9,5	10,0	10,0		3,8	5,0	6,9	Học khá, chăm
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	9,0	8,0	9,5	10,0		5,6	6,6	7,5	Học khá, chăm, ngoan
34	Nguyễn Việt Thanh	10,0	10,0	10,0	6,0		5,8	6,6	7,5	Học khá, chăm, ngoan
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	9,0	9,0	9,0	8,0		3,5	4,6	6,2	Học được, chăm
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	10,0	9,5	8,0	9,0		9,8	5,8	8,2	Giỏi, chăm, ngoan
37	Trần Ngọc Anh Thư	10,0	9,5	10,0	7,0		5,0	3,8	6,4	Học được, chăm
38	Huỳnh Minh Thư	10,0	10,0	10,0	9,0		7,0	7,6	8,4	Giỏi, chăm, ngoan
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	10,0	10,0	9,5	10,0		10,0	7,8	9,2	Giỏi, chăm, ngoan, cần phát huy
40	Phan Diệu Tiến	10,0	9,0	9,5	5,0		6,2	5,5	6,9	Học khá, chăm
41	Võ Thị Cẩm Tú	9,0	10,0	9,5	10,0		6,5	6,4	7,9	Học khá, chăm, ngoan
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	9,0	9,0	10,0		8,3	7,0	8,3	Giỏi, chăm, ngoan
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	10,0	10,0	10,0		7,3	7,0	8,3	Giỏi, chăm, ngoan
44	Nguyễn Thanh Vinh	10,0	10,0	10,0	6,0		7,5	3,5	6,8	Học khá, chăm
45	Trần Ngọc Yến Vy	10,0	10,0	10,0	9,5		5,5	5,8	7,5	Học khá, chăm, ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

HỌC KỲ I											
Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Phan Gia Bảo	10,0	10,0	10,0			9,3	9,0	9,5	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
2	Phạm Thái Bình	10,0	7,0	9,0			9,5	8,5	8,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
3	Nguyễn Ngọc Diệp	10,0	10,0	9,0			9,3	8,5	9,1	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
5	Nguyễn Thành Đạt	10,0	9,0	8,0			7,5	8,0	8,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
6	Phan Thanh Hải	10,0	10,0	10,0			9,5	8,5	9,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
7	Nguyễn Ngọc Hân	10,0	10,0	10,0			9,5	9,0	9,5	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
8	Đỗ Thành Hậu	10,0	7,0	10,0			9,5	9,0	9,1	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
9	Trần Thị Kim Hồng	10,0	10,0	9,0			9,0	8,8	9,2	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
10	Lê Ngân Hương	10,0	10,0	10,0			9,5	9,0	9,5	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
11	Võ Thị Thuý Kiều	10,0	8,0	10,0			9,3	8,5	9,0	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
12	Trần Thị Kim Liên	10,0	8,0	10,0			9,3	8,5	9,0	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
13	Phan Trường Vũ Luân	10,0	10,0	8,0			9,3	7,8	8,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	10,0	9,0	10,0			9,5	7,8	8,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	10,0	9,0	8,0			9,5	9,5	9,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
16	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	10,0	9,0			9,3	8,8	9,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
17	Nguyễn Phương Ngân	10,0	9,0	10,0			9,3	8,0	9,0	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	10,0	10,0	8,0			9,3	7,8	8,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
20	Huỳnh Quốc Nhật	10,0	9,0	8,0			9,5	9,5	9,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
21	Ngô Thị Danh Nhi	10,0	10,0	9,0			9,5	9,5	9,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	10,0	10,0	7,0			9,3	8,0	8,7	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
23	Nguyễn Hoài Như	6,0	10,0	6,0			9,3	7,8	8,0	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
24	Trần Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	9,0			9,3	8,0	9,0	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	10,0	9,0	10,0			9,3	8,8	9,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
26	Đỗ Thanh Phong	10,0	9,0	8,0			9,3	8,8	9,0	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
27	Nguyễn Hoàng Phúc	10,0	8,0	10,0			9,3	9,0	9,2	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
28	Du Y Phụng	9,0	10,0	8,0			9,0	8,8	8,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	7,0	10,0	7,0			9,3	7,5	8,1	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
30	Trần Lê Yến Phương	7,0	9,0	8,0			9,3	8,3	8,4	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	10,0	10,0	10,0			9,3	7,8	9,0	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	9,0	6,0			9,0	7,5	7,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học khá.	
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	6,0	10,0	6,0			9,3	8,3	8,2	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
34	Nguyễn Việt Thanh	9,0	9,0	8,0			7,8	8,8	8,5	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	10,0	10,0	8,0			9,3	7,8	8,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	10,0	10,0	8,0			9,3	7,5	8,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
37	Trần Ngọc Anh Thư	10,0	9,0	8,0			9,0	7,8	8,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
38	Huỳnh Minh Thư	10,0	10,0	10,0			9,5	7,8	9,1	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	10,0	10,0	10,0			9,3	8,8	9,4	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
40	Phan Diệu Tiến	10,0	9,0	10,0			9,5	8,8	9,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
41	Võ Thị Cẩm Tú	10,0	10,0	7,0			9,5	8,8	9,1	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	10,0	10,0			9,3	8,5	9,3	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	10,0	9,0			9,5	9,0	9,4	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	
44	Nguyễn Thanh Vinh	6,0	9,0	6,0			8,5	7,3	7,5	Chăm, ngoan, lễ phép. Học khá.	
45	Trần Ngọc Yến Vy	10,0	9,0	8,0			9,0	7,3	8,4	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Giáo dục thể chất		HỌC KỲ I									
		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)									
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
1	Phan Gia Bảo	Đ	Đ								
2	Phạm Thái Bình	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
3	Nguyễn Ngọc Diệp	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
5	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
6	Phan Thanh Hải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
7	Nguyễn Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
8	Đỗ Thành Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
9	Trần Thị Kim Hồng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
10	Lê Ngân Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
11	Võ Thị Thuý Kiều	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
12	Trần Thị Kim Liên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
13	Phan Trường Vũ Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
16	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
17	Nguyễn Phương Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
19	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
20	Huỳnh Quốc Nhật	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
21	Ngô Thị Danh Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
23	Nguyễn Hoài Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
24	Trần Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
26	Đỗ Thanh Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
27	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
28	Du Y Phụng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
30	Trần Lê Yến Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
31	Huỳnh Đăng Kim Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
32	Nguyễn Thái Sang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
34	Nguyễn Việt Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
37	Trần Ngọc Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
38	Huỳnh Minh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
40	Phan Diệu Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
41	Võ Thị Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
44	Nguyễn Thanh Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
45	Trần Ngọc Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

HỌC KỲ I

Giáo dục địa phương

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Phan Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2	Phạm Thái Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3	Nguyễn Ngọc Diệp	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
5	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
6	Phan Thanh Hải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
7	Nguyễn Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
8	Đỗ Thành Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
9	Trần Thị Kim Hồng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
10	Lê Ngân Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
11	Võ Thị Thuý Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
12	Trần Thị Kim Liên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
13	Phan Trường Vũ Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
16	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
17	Nguyễn Phương Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
19	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
20	Huỳnh Quốc Nhật	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
21	Ngô Thị Danh Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
23	Nguyễn Hoài Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
24	Trần Thị Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
26	Đỗ Thanh Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
27	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
28	Du Y Phụng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
30	Trần Lê Yến Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
31	Huỳnh Đăng Kim Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
32	Nguyễn Thái Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
34	Nguyễn Việt Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
35	Nguyễn Thị Ngân Tháo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
37	Trần Ngọc Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
38	Huỳnh Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
40	Phan Diệu Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
41	Võ Thị Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
44	Nguyễn Thanh Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
45	Trần Ngọc Yến Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Ngân, Đinh Thị Hồng Lan, Nguyễn Thanh Quân

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Phan Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
2	Phạm Thái Bình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
3	Nguyễn Ngọc Diệp	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
5	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
6	Phan Thanh Hải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
7	Nguyễn Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
8	Đỗ Thành Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
9	Trần Thị Kim Hồng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
10	Lê Ngân Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
11	Võ Thị Thuý Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
12	Trần Thị Kim Liên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
13	Phan Trường Vũ Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
16	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
17	Nguyễn Phương Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
19	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
20	Huỳnh Quốc Nhật	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
21	Ngô Thị Danh Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
23	Nguyễn Hoài Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
24	Trần Thị Huỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
26	Đỗ Thanh Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
27	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
28	Du Y Phụng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
30	Trần Lê Yến Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
32	Nguyễn Thái Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
34	Nguyễn Việt Thanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
35	Nguyễn Thị Ngân Tháo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
37	Trần Ngọc Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
38	Huỳnh Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
40	Phan Diệu Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
41	Võ Thị Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
44	Nguyễn Thanh Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp
45	Trần Ngọc Yến Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia hoạt động của lớp

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Phan Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	6,5	8,2	7,9	8,6	9,3	8,7	6,9	8,0	9,5	T	T
2	Phạm Thái Bình	Đ	Đ	Đ	7,8	7,7	7,6	7,1	8,4	6,7	8,2	8,1	8,8	K	T
3	Nguyễn Ngọc Diệp	Đ	Đ	Đ	5,6	8,2	7,8	8,0	8,6	6,8	7,0	8,9	9,1	K	T
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đ	Đ	Đ	9,4	9,7	8,6	8,6	9,1	9,5	9,4	9,4	9,7	T	T
5	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	5,8	7,6	6,7	6,5	8,6	6,5	7,5	6,3	8,3	K	T
6	Phan Thanh Hải	Đ	Đ	Đ	6,5	8,4	7,6	7,4	7,9	6,6	7,4	8,2	9,3	K	T
7	Nguyễn Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	8,0	8,8	8,9	7,4	8,5	8,3	7,6	9,2	9,5	T	T
8	Đỗ Thành Hậu	Đ	Đ	Đ	7,2	8,3	7,7	7,3	7,9	7,1	8,3	9,1	9,1	K	T
9	Trần Thị Kim Hồng	Đ	Đ	Đ	6,5	8,3	7,8	7,7	8,6	8,3	7,0	9,0	9,2	K	T
10	Lê Ngân Hương	Đ	Đ	Đ	8,4	8,4	8,1	7,7	8,6	8,7	7,4	8,1	9,5	T	T
11	Võ Thị Thuý Kiều	Đ	Đ	Đ	6,9	8,5	8,1	8,1	8,8	8,0	6,1	7,8	9,0	K	T
12	Trần Thị Kim Liên	Đ	Đ	Đ	7,4	8,5	7,8	7,7	8,6	8,0	7,8	8,6	9,0	K	T
13	Phan Trường Vũ Luân	Đ	Đ	Đ	8,1	9,0	7,1	7,4	8,6	8,1	6,7	8,8	8,8	T	T
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	Đ	Đ	Đ	7,2	7,1	7,0	7,5	8,0	7,2	8,0	7,9	8,9	K	T
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	Đ	Đ	Đ	6,3	8,8	8,8	7,4	8,9	7,2	9,0	9,2	9,3	K	T
16	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	5,5	8,3	7,9	7,1	7,9	7,2	6,7	8,7	9,3	K	T
17	Nguyễn Phương Ngân	Đ	Đ	Đ	5,3	6,8	7,4	7,2	8,7	6,3	6,7	8,4	9,0	K	T
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	Đ	Đ	Đ	6,5	8,4	7,8	8,2	8,9	6,9	5,8	8,2	8,8	K	T
19	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ	Đ	9,5	9,6	9,0	9,4	9,5	9,1	9,2	9,2	9,7	T	T
20	Huỳnh Quốc Nhật	Đ	Đ	Đ	6,3	8,7	8,2	7,7	8,8	8,3	7,3	6,9	9,3	K	T
21	Ngô Thị Danh Nhi	Đ	Đ	Đ	8,8	9,6	8,6	8,6	9,3	9,2	9,0	9,3	9,6	T	T
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	Đ	Đ	Đ	7,4	8,5	8,1	7,9	7,8	8,2	7,9	8,9	8,7	K	T
23	Nguyễn Hoài Như	Đ	Đ	Đ	5,6	8,4	7,6	7,7	8,1	5,1	6,6	8,0	8,0	K	T
24	Trần Thị Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,5	8,9	8,7	8,2	9,1	9,2	8,2	9,1	9,0	T	T
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Đ	Đ	Đ	9,0	9,1	8,4	7,6	8,6	8,2	8,6	8,4	9,3	T	T
26	Đỗ Thanh Phong	Đ	Đ	Đ	6,5	8,4	6,9	6,6	7,3	6,9	5,9	8,1	9,0	K	T
27	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	6,5	7,4	7,1	6,9	8,3	6,4	7,6	7,4	9,2	K	T
28	Du Y Phụng	Đ	Đ	Đ	5,0	7,9	7,2	6,7	7,7	6,6	7,8	8,9	8,9	K	T
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	Đ	Đ	Đ	5,8	7,9	7,7	6,8	7,7	6,8	7,0	8,9	8,1	K	T
30	Trần Lê Yến Phương	Đ	Đ	Đ	5,2	6,9	7,3	5,2	6,6	6,5	4,6	8,3	8,4	Đ	T
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	Đ	Đ	Đ	8,3	8,8	8,1	7,9	8,7	8,8	7,2	8,3	9,0	T	T
32	Nguyễn Thái Sang	Đ	Đ	Đ	6,5	7,8	7,6	5,9	8,3	6,4	6,9	6,2	7,8	K	T
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	Đ	Đ	Đ	7,2	7,8	7,4	7,9	7,8	6,3	7,5	8,7	8,2	K	T
34	Nguyễn Việt Thanh	Đ	Đ	Đ	5,1	8,1	8,3	6,6	7,6	6,0	7,5	7,7	8,5	K	T
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	Đ	Đ	Đ	6,5	8,3	7,5	6,8	8,6	6,1	6,2	8,1	8,8	K	T
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	Đ	Đ	Đ	5,0	8,8	7,7	6,7	8,6	7,0	8,2	7,9	8,6	K	T
37	Trần Ngọc Anh Thư	Đ	Đ	Đ	6,6	7,8	7,3	7,7	8,3	7,4	6,4	7,6	8,6	K	T
38	Huỳnh Minh Thư	Đ	Đ	Đ	8,8	8,7	8,5	8,2	8,6	8,4	8,4	8,8	9,1	T	T
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	Đ	Đ	Đ	7,7	8,4	7,9	7,7	8,4	8,4	9,2	9,1	9,4	T	T
40	Phan Diệu Tiến	Đ	Đ	Đ	7,6	8,3	6,8	7,7	8,4	7,5	6,9	7,7	9,3	K	T
41	Võ Thị Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	7,6	8,9	8,0	7,4	8,6	8,1	7,9	8,0	9,1	T	T
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ	Đ	9,2	9,3	8,5	8,1	8,8	8,5	8,3	9,0	9,3	T	T
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ	Đ	8,1	9,1	8,6	8,6	8,8	8,4	8,3	9,0	9,4	T	T
44	Nguyễn Thanh Vinh	Đ	Đ	Đ	3,7	6,8	6,1	5,3	7,9	3,8	6,8	7,3	7,5	Đ	T
45	Trần Ngọc Yến Vy	Đ	Đ	Đ	7,4	8,9	6,9	6,6	8,4	7,1	7,5	8,3	8,4	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trần Hồ Minh Tiến

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phan Gia Bảo	9,0	7,0	9,0	9,0		9,0	6,3	7,9	7.4			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
2	Phạm Thái Bình	9,0	8,0	8,0	9,0		5,0	7,3	7,3	7.5			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
3	Nguyễn Ngọc Diệp	8,0	7,0	7,0	9,0		5,5	7,8	7,3	6.7			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	8,0	9,2	9.3			Học tốt, có trách nhiệm.
5	Nguyễn Thành Đạt	9,0	9,0	7,0	9,0		5,5	5,8	6,9	6.5			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
6	Phan Thanh Hải	8,0	7,0	8,0	10,0		6,0	5,0	6,7	6.6			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
7	Nguyễn Ngọc Hân	9,0	7,0	8,0	8,0		6,5	7,5	7,5	7.7			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
8	Đỗ Thành Hậu	9,0	8,0	9,0	10,0		7,0	7,3	8,0	7.7			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
9	Trần Thị Kim Hồng	7,0	7,0	9,0	9,0		6,0	5,5	6,7	6.6			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
10	Lê Ngân Hương	9,0	7,0	9,0	9,0		7,0	7,5	7,8	8.0			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
11	Võ Thị Thuý Kiều	7,0	6,0	9,0	10,0		7,0	7,0	7,4	7.2			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
12	Trần Thị Kim Liên	9,0	8,0	8,0	10,0		6,5	6,8	7,6	7.5			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
13	Phan Trường Vũ Luân	10,0	9,0	10,0	10,0		7,0	5,5	7,7	7.8			Chăm, ngoan, tích cực học.
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	9,0	7,0	10,0	9,0		5,5	5,0	6,8	6.9			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	9,0	7,0	8,0	8,0		6,0	6,8	7,2	6.9			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
16	Phạm Thị Kim Ngân	7,0	6,0	8,0	8,0		6,0	6,8	6,8	6.4			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
17	Nguyễn Phương Ngân	9,0	7,0	8,0	9,0		4,5	5,8	6,6	6.2			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	8,0	6,0	7,0	10,0		6,3	6,8	7,1	6.9			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	7,8	9,2	9.3			Học tốt, tích cực học.
20	Huỳnh Quốc Nhật	10,0	7,0	10,0	10,0		6,8	5,5	7,5	7.1			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
21	Ngô Thị Danh Nhi	10,0	9,0	10,0	10,0		8,0	8,0	8,8	8.8			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	9,0	8,0	8,0	10,0		6,0	7,3	7,7	7.6			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
23	Nguyễn Hoài Như	9,0	6,0	8,0	8,0		6,0	5,5	6,6	6.3			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
24	Trần Thị Huỳnh Như	10,0	9,0	10,0	10,0		8,5	8,5	9,1	8.9			Trung thực, sáng tạo, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn tốt
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	9,0	8,0	10,0	10,0		9,5	7,5	8,7	8.8			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
26	Đỗ Thanh Phong	8,0	8,0	7,0	7,0		6,0	4,5	6,2	6.3			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè
27	Nguyễn Hoàng Phúc	9,0	8,0	9,0	9,0		6,0	7,5	7,7	7.3			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
28	Du Y Phụng	7,0	6,0	7,0	8,0		6,0	6,0	6,4	5.9			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	9,0	5,0	8,0	7,0		5,5	6,5	6,6	6.3			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
30	Trần Lê Yến Phương	7,0	6,0	5,0	7,0		4,0	5,0	5,3	5.3			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	9,0	7,0	10,0	9,0		6,0	6,3	7,3	7.6			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
32	Nguyễn Thái Sang	6,0	5,0	8,0	8,0		5,0	5,5	5,9	6.1			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	8,0	8,0	10,0	7,0		6,0	7,3	7,4	7.3			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
34	Nguyễn Việt Thanh	8,0	7,0	10,0	8,0		6,0	5,0	6,7	6.2			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	7,0	5,0	7,0	8,0		8,0	5,5	6,6	6.6			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	9,0	7,0	6,0	7,0		5,5	5,5	6,3	5.9			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè
37	Trần Ngọc Anh Thư	9,0	6,0	10,0	8,0		5,5	6,5	7,1	6.9			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
38	Huỳnh Minh Thư	9,0	8,0	8,0	9,0		9,0	8,0	8,4	8.5			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	10,0	9,0	10,0	10,0		7,0	8,0	8,6	8.3			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
40	Phan Diệu Tiến	9,0	8,0	10,0	9,0		7,5	7,0	8,0	7.9			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
41	Võ Thị Cẩm Tú	10,0	8,0	9,0	10,0		6,5	7,0	7,9	7.8			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	9,0	10,0	10,0		10,0	9,0	9,6	9.5			Học giỏi, ngoan.
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	9,0	10,0	10,0		9,5	7,3	8,9	8.6			Học giỏi, ngoan.
44	Nguyễn Thanh Vinh	8,0	5,0	9,0	7,0		4,5	5,8	6,2	5.4			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè
45	Trần Ngọc Yến Vy	10,0	8,0	9,0	10,0		6,5	7,0	7,9	7.7			Chăm chỉ, trung thực, sáng tạo

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

Hóa học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phan Gia Bảo	8,0	8,0	8,0			8,0	9,5	8,6	8.5			Học tốt. Chăm, ngoan
2	Phạm Thái Bình	8,0	9,0	8,0			7,0	9,8	8,6	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
3	Nguyễn Ngọc Diệp	8,0	8,0	8,0			7,3	9,8	8,5	8.4			Học tốt. Chăm, ngoan
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	8,0	8,0	8,0			10,0	10,0	9,3	9.4			Học tốt. Chăm, ngoan
5	Nguyễn Thành Đạt	7,0	8,0	8,0			7,0	8,5	7,8	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
6	Phan Thanh Hải	7,0	8,0	8,0			7,0	7,3	7,4	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
7	Nguyễn Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			8,3	10,0	9,2	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
8	Đỗ Thành Hậu	8,0	9,0	8,0			7,8	9,0	8,5	8.4			Học tốt. Chăm, ngoan
9	Trần Thị Kim Hồng	8,0	8,0	8,0			9,3	9,8	9,0	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
10	Lê Ngân Hương	8,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,1	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
11	Võ Thị Thuý Kiều	8,0	8,0	9,0			7,8	9,5	8,6	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan
12	Trần Thị Kim Liên	8,0	8,0	9,0			9,8	8,8	8,9	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
13	Phan Trường Vũ Luân	9,0	9,0	9,0			9,0	8,3	8,7	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	8,0	8,0	8,0			8,3	8,5	8,3	7.9			Học tốt. Chăm, ngoan
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	7,0	8,0	8,0			9,0	10,0	8,9	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
16	Phạm Thị Kim Ngân	8,0	8,0	8,0			9,3	9,8	9,0	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
17	Nguyễn Phương Ngân	8,0	8,0	8,0			8,5	8,5	8,3	7.8			Học tốt. Chăm, ngoan
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	8,0	8,0	8,0			9,3	9,8	9,0	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	9,0	9,0			9,3	10,0	9,6	9.6			Học tốt. Chăm, ngoan
20	Huỳnh Quốc Nhật	8,0	8,0	8,0			9,3	10,0	9,1	9.0			Học tốt. Chăm, ngoan
21	Ngô Thị Danh Nhi	9,0	8,0	8,0			9,3	10,0	9,2	9.3			Học tốt. Chăm, ngoan
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	8,0	8,0	8,0			8,8	10,0	9,0	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
23	Nguyễn Hoài Như	8,0	8,0	8,0			7,5	9,0	8,3	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
24	Trần Thị Huỳnh Như	9,0	8,0	9,0			9,3	10,0	9,3	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	10,0	9,0	9,0			9,8	9,0	9,3	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
26	Đỗ Thanh Phong	8,0	7,0	8,0			9,0	5,0	7,0	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
27	Nguyễn Hoàng Phúc	7,0	8,0	8,0			7,8	10,0	8,6	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
28	Du Y Phụng	7,0	7,0	8,0			7,3	10,0	8,3	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	8,0	8,0	8,0			7,5	8,3	8,0	8.0			Học tốt. Chăm, ngoan
30	Trần Lê Yến Phương	7,0	8,0	8,0			7,3	7,5	7,5	7.3			Học khá. Chăm, ngoan
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	9,0	8,0	9,0			8,8	10,0	9,2	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
32	Nguyễn Thái Sang	8,0	8,0	8,0			7,8	7,8	7,9	7.9			Học khá. Chăm, ngoan
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	8,0	8,0	8,0			8,5	9,8	8,8	8.5			Học tốt. Chăm, ngoan
34	Nguyễn Việt Thanh	9,0	7,0	8,0			7,8	7,3	7,7	7.8			Học khá. Chăm, ngoan
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	7,0	8,0	8,0			7,8	8,8	8,1	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	7,0	7,0	8,0			7,3	8,0	7,6	8.0			Học khá. Chăm, ngoan
37	Trần Ngọc Anh Thư	8,0	8,0	8,0			6,3	9,3	8,1	8.0			Học tốt. Chăm, ngoan
38	Huỳnh Minh Thư	8,0	8,0	9,0			9,0	9,8	9,1	9.0			Học tốt. Chăm, ngoan
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	8,0	8,0	8,0			8,5	10,0	8,9	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
40	Phan Diệu Tiến	8,0	8,0	8,0			9,8	9,0	8,8	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan
41	Võ Thị Cẩm Tú	9,0	9,0	9,0			7,0	8,8	8,4	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	8,0	9,0			9,5	9,3	9,1	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	8,0	8,0			9,3	10,0	9,1	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
44	Nguyễn Thanh Vinh	7,0	7,0	8,0			6,8	9,0	7,8	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
45	Trần Ngọc Yến Vy	8,0	8,0	8,0			8,8	8,8	8,5	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phan Gia Bảo	10,0	10,0	10,0			7,0	7,0	8,1	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
2	Phạm Thái Bình	10,0	10,0	4,0			7,0	6,8	7,3	7.4			Ngoan, học khá.
3	Nguyễn Ngọc Diệp	9,0	9,0	4,5			8,8	8,0	8,0	7.9			Chăm, ngoan, học giỏi.
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	10,0	10,0			9,3	8,3	9,2	9.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
5	Nguyễn Thành Đạt	8,0	10,0	0,0			7,5	4,8	5,9	6.2			Ngoan.
6	Phan Thanh Hải	8,0	6,0	2,0			8,3	5,0	6,0	6.5			Ngoan.
7	Nguyễn Ngọc Hân	8,0	10,0	10,0			8,0	7,5	8,3	8.5			Chăm, ngoan, học giỏi.
8	Đỗ Thành Hậu	10,0	10,0	7,0			7,8	6,8	7,9	7.8			Chăm, ngoan, học khá.
9	Trần Thị Kim Hồng	9,0	10,0	6,0			7,3	7,0	7,6	7.7			Ngoan, học khá.
10	Lê Ngân Hương	9,0	9,0	10,0			8,5	7,5	8,4	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi.
11	Võ Thị Thuý Kiều	9,0	10,0	10,0			7,5	7,5	8,3	8.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
12	Trần Thị Kim Liên	7,0	10,0	4,0			9,5	8,5	8,2	8.1			Chăm, ngoan, học giỏi.
13	Phan Trường Vũ Luân	10,0	10,0	10,0			9,5	8,3	9,2	8.5			Chăm, ngoan, học giỏi.
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	7,0	10,0	4,0			7,5	6,5	6,9	6.9			Ngoan, học khá.
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,0	10,0	4,0			8,0	6,5	7,2	7.7			Ngoan, học khá.
16	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	10,0	5,0			7,3	7,3	7,6	7.7			Ngoan, học khá.
17	Nguyễn Phương Ngân	7,0	8,0	6,0			6,8	7,8	7,3	7.3			Ngoan, học khá.
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	9,0	7,0	10,0			7,5	6,8	7,7	7.7			Ngoan, học khá.
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	10,0			8,5	7,0	8,5	8.7			Chăm, ngoan, học giỏi.
20	Huỳnh Quốc Nhật	10,0	9,0	10,0			8,0	7,0	8,3	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi.
21	Ngô Thị Danh Nhi	10,0	10,0	10,0			9,0	7,8	8,9	8.8			Chăm, ngoan, học giỏi.
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	9,0	8,0	6,0			8,5	9,5	8,6	8.4			Chăm, ngoan, học giỏi.
23	Nguyễn Hoài Như	8,0	1,0	1,0			8,5	7,5	6,2	6.7			Ngoan
24	Trần Thị Huỳnh Như	8,0	10,0	10,0			9,0	9,5	9,3	9.1			Chăm, ngoan, học giỏi.
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	9,0	10,0	4,0			8,3	9,0	8,3	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi.
26	Đỗ Thanh Phong	8,0	8,0	4,0			6,5	5,8	6,3	6.5			Ngoan.
27	Nguyễn Hoàng Phúc	9,0	9,0	3,5			7,8	7,8	7,6	7.4			Chăm, ngoan, học khá
28	Du Y Phụng	9,0	7,0	4,0			8,0	9,0	7,9	7.7			Chăm, ngoan, học khá
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	8,0	4,0	3,5			7,8	8,0	6,9	7.2			Ngoan.
30	Trần Lê Yến Phương	5,0	9,5	0,0			4,8	5,5	5,1	5.8			Ngoan.
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	9,0	10,0	10,0			6,5	8,3	8,4	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi
32	Nguyễn Thái Sang	8,0	10,0	2,0			8,8	7,0	7,3	7.4			Ngoan, học khá.
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	4,0	10,0	10,0			8,0	7,5	7,8	7.7			Chăm, ngoan, học khá.
34	Nguyễn Việt Thanh	8,0	6,0	4,0			6,0	5,0	5,6	6.5			Ngoan.
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	8,0	8,0	4,0			8,3	7,0	7,2	7.3			Ngoan, học khá.
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	8,0	4,0	6,0			6,3	7,8	6,8	7.1			Ngoan, hiền.
37	Trần Ngọc Anh Thư	8,0	7,0	9,0			8,5	8,3	8,2	7.9			Chăm, ngoan, học giỏi.
38	Huỳnh Minh Thư	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	8.8			Chăm, ngoan, học giỏi.
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	9,0	10,0	5,0			8,8	8,3	8,3	8.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
40	Phan Diệu Tiến	8,0	10,0	5,0			9,0	6,8	7,7	7.4			Ngoan, học khá.
41	Võ Thị Cẩm Tú	9,0	8,0	10,0			7,8	6,0	7,6	7.7			Ngoan, học khá.
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,9	8.8			Chăm, ngoan, học giỏi.
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	10,0	10,0			8,5	9,0	9,1	8.9			Chăm, ngoan, học giỏi.
44	Nguyễn Thanh Vinh	4,0	0,0	4,0			7,8	6,5	5,4	5.6			Ngoan.
45	Trần Ngọc Yến Vy	8,0	7,0	10,0			7,3	6,8	7,5	7.3			Ngoan, học khá.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Liên, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ II														
Ngữ văn		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGck	ĐTB mhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Phan Gia Bảo	8,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	8,0	8,3	8.4			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
2	Phạm Thái Bình	7,0	7,0	9,0	7,0	8,0	7,0	6,5	7,2	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
3	Nguyễn Ngọc Diệp	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	7,5	8,0	8.0			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	8,0	9,0	7,0	9,0	10,0	8,5	9,0	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
5	Nguyễn Thành Đạt	6,0	8,0	9,0	8,0	7,0	6,0	6,5	7,0	6.8			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
6	Phan Thanh Hải	7,0	8,0	9,0	8,0	7,0	7,0	6,5	7,3	7.3			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
7	Nguyễn Ngọc Hân	7,0	7,0	7,0	7,0	8,0	7,5	7,5	7,4	7.4			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
8	Đỗ Thành Hậu	7,0	8,0	6,0	8,0	8,0	7,5	7,0	7,3	7.3			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
9	Trần Thị Kim Hồng	8,0	9,0	7,0	9,0	8,0	7,5	7,5	7,9	7.8			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
10	Lê Ngân Hương	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	8,0	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
11	Võ Thị Thuý Kiều	8,0	9,0	7,0	9,0	8,0	7,5	8,0	8,0	8.0			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
12	Trần Thị Kim Liên	7,0	7,0	8,0	7,0	8,0	7,5	6,5	7,2	7.4			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
13	Phan Trường Vũ Luân	7,0	7,0	5,0	7,0	8,0	6,5	7,0	6,8	7.0			Học khá, chăm ngoan	
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	7,0	8,0	8,0	8,0	9,0	6,5	5,5	7,0	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	7,0	8,0	7,0	8,0	9,0	8,0	7,5	7,8	7.7			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
16	Phạm Thị Kim Ngân	7,0	7,0	8,0	7,0	8,0	6,0	7,5	7,2	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
17	Nguyễn Phương Ngân	8,0	8,0	7,0	8,0	9,0	6,5	5,0	6,8	6.9			Học khá, chăm ngoan	
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	8,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,5	7,0	8,0	8.1			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
19	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	9,0	8,0	10,0	9,0	8,5	9,0	8,8	9.0			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
20	Huỳnh Quốc Nhật	7,0	9,0	7,0	9,0	8,0	6,5	7,5	7,6	7.6			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
21	Ngô Thị Danh Nhi	8,0	9,0	8,0	9,0	10,0	8,5	9,0	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	6,5	7,5	7.6			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
23	Nguyễn Hoài Như	7,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,5	7,5	7,5	7.6			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
24	Trần Thị Huỳnh Như	8,0	7,0	7,0	7,0	8,0	8,5	8,5	8,0	8.1			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	7,0	7,0	8,0	7,0	8,0	8,0	8,0	7,7	7.7			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
26	Đỗ Thanh Phong	7,0	8,0	9,0	8,0	8,0	6,0	6,0	7,0	6.9			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
27	Nguyễn Hoàng Phúc	8,0	7,0	8,0	7,0	8,0	7,0	6,5	7,2	7.1			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
28	Du Y Phụng	7,0	8,0	3,0	8,0	8,0	6,0	7,0	6,7	6.7			Học khá, chăm ngoan	
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	7,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,0	7,0	7,3	7.1			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
30	Trần Lê Yến Phương	6,0	6,0	7,0	6,0	5,0	4,5	6,5	5,9	5.7			Cần cố gắng trong học tập	
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	8,0	7,0	6,0	7,0	9,0	8,0	8,0	7,7	7.8			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	5,0	6,5	6,9	6.6			Học khá, chăm ngoan	
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	7,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	8,0	7,5	7.6			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
34	Nguyễn Việt Thanh	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,5	7,5	7,5	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	7,0	9,0	8,0	9,0	8,0	6,0	6,0	7,1	7.0			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	5,0	6,5	7,0	6.9			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
37	Trần Ngọc Anh Thư	7,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	5,5	7,3	7.4			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
38	Huỳnh Minh Thư	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8.1			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	8,0	9,0	7,0	9,0	7,0	7,5	8,0	7,9	7.8			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
40	Phan Diệu Tiến	7,0	9,0	8,0	9,0	7,0	7,5	7,5	7,8	7.8			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
41	Võ Thị Cẩm Tú	7,0	7,0	8,0	7,0	9,0	7,0	6,0	7,0	7.1			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8.0			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	8,0	8,0	8,0	10,0	8,5	8,0	8,3	8.4			Học tốt, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
44	Nguyễn Thanh Vinh	5,0	5,0	6,0	5,0	6,0	4,0	6,0	5,3	5.3			Cần cố gắng trong học tập	
45	Trần Ngọc Yến Vy	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	6,5	7,5	7,5	7.2			Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phan Gia Bảo	9,0	9,0	10,0	9,0		8,8	7,5	8,6	8.8			Học tốt, chăm ngoan
2	Phạm Thái Bình	8,0	8,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,2	8.9			Học tốt, chăm ngoan
3	Nguyễn Ngọc Diệp	9,0	9,0	8,0	9,0		8,0	8,8	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	8,0	9,0	10,0	9,0		9,8	10,0	9,5	9.4			Học tốt, chăm ngoan
5	Nguyễn Thành Đạt	7,0	5,0	9,0	8,0		9,5	7,5	7,8	8.1			Học khá
6	Phan Thanh Hải	7,0	9,0	9,0	8,0		8,0	9,0	8,4	8.2			Học tốt, chăm ngoan
7	Nguyễn Ngọc Hân	10,0	9,0	9,0	10,0		6,3	9,5	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan
8	Đỗ Thành Hậu	9,0	8,0	9,0	9,0		8,3	6,5	7,9	7.9			Học khá
9	Trần Thị Kim Hồng	7,0	9,0	8,0	9,0		9,0	8,0	8,3	8.4			Học tốt, chăm ngoan
10	Lê Ngân Hương	7,0	9,0	8,0	10,0		9,5	9,3	9,0	8.9			Học tốt, chăm ngoan
11	Võ Thị Thuý Kiều	10,0	9,0	8,0	10,0		9,0	9,8	9,4	9.2			Học tốt, chăm ngoan
12	Trần Thị Kim Liên	7,0	9,0	9,0	8,0		9,0	9,3	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan
13	Phan Trường Vũ Luân	8,0	9,0	9,0	9,0		9,3	9,8	9,2	9.0			Học tốt, chăm ngoan
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	9,0	9,0	9,0	8,0		8,5	7,3	8,2	8.1			Học tốt, chăm ngoan
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	10,0	9,0	9,0	9,0		9,0	10,0	9,4	9.2			Học tốt, chăm ngoan
16	Phạm Thị Kim Ngân	7,0	9,0	9,0	9,0		8,3	7,0	8,0	8.0			Học tốt, chăm ngoan
17	Nguyễn Phương Ngân	9,0	9,0	9,0	8,0		9,3	8,0	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	7,0	9,0	8,0	8,0		9,3	7,8	8,2	8.4			Học tốt, chăm ngoan
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	9,0	10,0	9,0		8,5	10,0	9,4	9.4			Học tốt, chăm ngoan
20	Huỳnh Quốc Nhật	7,0	9,0	10,0	9,0		6,8	9,8	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan
21	Ngô Thị Danh Nhi	9,0	9,0	10,0	9,0		9,5	10,0	9,6	9.5			Học tốt, chăm ngoan
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	9,0	9,0	10,0	9,0		8,0	8,8	8,8	8.5			Học tốt, chăm ngoan
23	Nguyễn Hoài Như	9,0	9,0	10,0	9,0		8,8	7,0	8,4	8.3			Học tốt, chăm ngoan
24	Trần Thị Huỳnh Như	9,0	9,0	10,0	8,0		9,8	9,3	9,3	9.2			Học tốt, chăm ngoan
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	8,0	9,0	8,0	8,0		8,8	9,3	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan
26	Đỗ Thanh Phong	10,0	9,0	8,0	9,0		7,3	8,5	8,5	8.1			Học tốt, chăm ngoan
27	Nguyễn Hoàng Phúc	7,0	9,0	9,0	8,0		9,0	6,5	7,8	8.0			Học khá
28	Du Y Phụng	7,0	9,0	9,0	9,0		9,3	8,3	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	7,0	9,0	8,0	8,0		9,3	7,8	8,2	8.0			Học tốt, chăm ngoan
30	Trần Lê Yến Phương	5,0	8,0	8,0	5,0		7,5	8,3	7,3	7.1			Học khá
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	10,0	9,0	9,0	10,0		9,5	9,5	9,5	9.2			Học tốt, chăm ngoan
32	Nguyễn Thái Sang	7,0	5,0	8,0	8,0		6,8	9,5	7,8	8.0			Học khá
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	7,0	8,0	8,0	8,0		9,3	7,8	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan
34	Nguyễn Việt Thanh	5,0	5,0	8,0	8,0		6,5	5,5	6,2	6.7			Cần cố gắng hơn
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	7,0	9,0	8,0	8,0		9,3	6,0	7,6	7.9			Học khá
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	7,0	8,0	8,0	9,0		8,8	8,8	8,4	8.5			Học tốt, chăm ngoan
37	Trần Ngọc Anh Thư	8,0	9,0	9,0	8,0		8,3	7,5	8,1	8.2			Học tốt, chăm ngoan
38	Huỳnh Minh Thư	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	9,5	8,5	8.5			Học tốt, chăm ngoan
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	7,0	9,0	9,0	8,0		9,0	9,3	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan
40	Phan Diệu Tiến	9,0	8,0	9,0	8,0		8,5	8,3	8,4	8.4			Học tốt, chăm ngoan
41	Võ Thị Cẩm Tú	7,0	9,0	9,0	9,0		7,5	6,5	7,6	7.9			Học khá
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	9,0	10,0	8,0		9,0	9,8	9,3	9.1			Học tốt, chăm ngoan
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	9,0	10,0	9,0		9,5	9,8	9,5	9.3			Học tốt, chăm ngoan
44	Nguyễn Thanh Vinh	5,0	5,0	7,0	8,0		9,3	8,3	7,6	7.7			Học khá
45	Trần Ngọc Yến Vy	8,0	8,0	9,0	8,0		5,5	9,0	7,9	8.1			Học khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ II													
Địa Lý													
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phan Gia Bảo	10,0	7,0	10,0			8,5	4,5	7,2	7.7			Chăm ngoan, học khá
2	Phạm Thái Bình	10,0	10,0	10,0			6,0	6,0	7,5	7.2			Chăm ngoan, học khá, tích cực
3	Nguyễn Ngọc Diệp	10,0	8,0	5,0			6,5	6,5	6,9	6.9			Chăm ngoan, học khá
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	6,0	9,0			9,0	5,5	7,4	8.1			Chăm ngoan, học khá
5	Nguyễn Thành Đạt	10,0	9,0	7,0			3,5	4,0	5,6	5.9			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
6	Phan Thanh Hải	10,0	7,0	10,0			6,0	3,0	6,0	6.2			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
7	Nguyễn Ngọc Hân	9,0	9,0	10,0			9,0	6,5	8,2	8.2			Chăm ngoan, học khá
8	Đỗ Thành Hậu	10,0	8,0	10,0			6,5	6,0	7,4	7.3			Chăm ngoan, học khá
9	Trần Thị Kim Hồng	10,0	9,0	6,0			8,5	6,0	7,5	7.8			Chăm ngoan, học khá
10	Lê Ngân Hương	10,0	8,0	7,0			8,0	6,0	7,4	7.8			Chăm ngoan, học khá
11	Võ Thị Thuý Kiều	10,0	9,0	2,0			7,5	6,0	6,8	7.2			Chăm ngoan, học khá
12	Trần Thị Kim Liên	10,0	9,0	6,0			8,0	6,5	7,6	7.7			Chăm ngoan, học khá
13	Phan Trường Vũ Luân	10,0	9,0	10,0			7,5	5,5	7,6	7.8			Chăm ngoan, học khá
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	10,0	7,0	5,0			9,0	5,5	7,1	7.1			Chăm ngoan, học khá
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,0	6,0	9,0			5,0	4,5	5,8	6.3			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
16	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	10,0	8,0			7,0	4,0	6,8	6.9			Chăm ngoan, học khá
17	Nguyễn Phương Ngân	9,0	6,0	0,0			4,0	4,0	4,4	5.0			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	9,0	7,0	3,0			5,0	6,5	6,1	6.4			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	10,0			8,5	6,0	8,1	8.4			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
20	Huỳnh Quốc Nhật	9,0	5,0	7,0			6,0	2,5	5,1	6.2			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
21	Ngô Thị Danh Nhi	10,0	9,0	10,0			7,5	6,0	7,8	8.3			Chăm ngoan, học khá
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	9,0	5,0	5,0			8,0	6,0	6,6	7.1			Chăm ngoan, học khá
23	Nguyễn Hoài Như	10,0	2,0	4,0			4,5	6,0	5,4	5.3			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
24	Trần Thị Huỳnh Như	10,0	9,0	6,0			4,0	8,0	7,1	7.8			Chăm ngoan, học khá
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	10,0	10,0	10,0			5,0	4,0	6,5	7.1			Chăm ngoan, học khá
26	Đỗ Thanh Phong	10,0	8,0	10,0			7,5	7,0	8,0	7.6			Chăm ngoan, học khá
27	Nguyễn Hoàng Phúc	10,0	7,0	7,0			6,5	5,0	6,5	6.5			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
28	Du Y Phụng	10,0	6,0	10,0			5,5	5,0	6,5	6.5			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	9,0	8,0	5,0			5,0	4,0	5,5	5.9			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
30	Trần Lê Yến Phương	10,0	1,0	7,0			7,5	1,5	4,7	5.3			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	10,0	9,0	7,0			9,5	6,0	7,9	8.2			Chăm ngoan, học khá
32	Nguyễn Thái Sang	10,0	7,0	10,0			7,5	4,5	6,9	6.7			Chăm ngoan, học khá
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	8,0	3,0	4,0			3,5	1,0	3,1	4.2			Cần cố gắng nhiều hơn trong học tập
34	Nguyễn Việt Thanh	10,0	7,0	9,0			7,5	5,0	7,0	6.7			Chăm ngoan, học khá, có nhiều tiến bộ
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	10,0	6,0	7,0			4,0	5,5	5,9	6.0			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	10,0	6,0	9,0			5,0	4,5	6,1	6.4			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
37	Trần Ngọc Anh Thư	10,0	8,0	9,0			9,0	6,0	7,9	7.7			Chăm ngoan, học khá
38	Huỳnh Minh Thư	10,0	9,0	10,0			8,0	6,0	7,9	8.1			Chăm ngoan, học khá
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	8,0	9,0	6,0			6,0	6,5	6,8	7.3			Chăm ngoan, học khá
40	Phan Diệu Tiến	10,0	6,0	4,0			8,0	5,5	6,6	6.9			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
41	Võ Thị Cẩm Tú	10,0	7,0	10,0			8,0	6,5	7,8	7.9			Chăm ngoan, học khá
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	9,0	5,0			7,5	8,0	7,9	8.1			Chăm ngoan, học khá
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	9,0	8,0	6,0			6,5	6,0	6,8	7.3			Chăm ngoan, học khá
44	Nguyễn Thanh Vinh	9,0	6,0	1,0			5,0	3,0	4,4	4.2			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn
45	Trần Ngọc Yến Vy	10,0	7,0	6,0			7,0	4,0	6,1	6.4			Sức học có, cần cố gắng nhiều hơn

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

HỌC KỲ II Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGGtx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phan Gia Bảo	9,0	10,0	9,0	7,5		3,8	5,4	6,6	6.7			Học khá, chăm
2	Phạm Thái Bình	7,0	6,0	4,0	6,5		4,8	4,4	5,1	6.1			Học được
3	Nguyễn Ngọc Diệp	7,0	10,0	7,0	8,5		5,0	4,7	6,3	6.5			Học khá, chăm
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	8,5	10,0	9,5	9,5		7,0	7,5	8,2	8.6			Giỏi, chăm, ngoan
5	Nguyễn Thành Đạt	5,5	10,0	9,0	7,5		6,5	6,2	7,1	7.2			Khá, chăm, ngoan
6	Phan Thanh Hải	8,0	6,0	8,0	8,0		4,0	4,5	5,7	6.3			Học được
7	Nguyễn Ngọc Hân	7,5	10,0	7,5	8,0		6,5	5,1	6,8	7.1			Học khá, chăm
8	Đỗ Thành Hậu	4,5	10,0	8,5	8,0		4,8	6,3	6,6	7.2			Học khá, chăm
9	Trần Thị Kim Hồng	9,0	10,0	10,0	8,5		4,5	5,8	7,1	7.1			Học khá, chăm, ngoan
10	Lê Ngân Hương	8,0	10,0	6,0	8,0		7,3	4,6	6,7	6.9			Học khá, chăm
11	Võ Thị Thuý Kiều	7,5	10,0	6,0	6,0		6,8	3,1	5,8	5.9			Học được
12	Trần Thị Kim Liên	7,5	8,0	7,0	6,0		6,5	6,0	6,6	7.0			Học khá, chăm
13	Phan Trường Vũ Luân	8,5	10,0	10,0	8,5		5,0	5,6	7,1	7.0			Học khá, chăm, ngoan
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	9,0	8,5	8,0	7,5		5,3	5,3	6,6	7.1			Học khá, chăm
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,5	10,0	9,0	9,5		6,0	4,6	7,0	7.7			Học khá, chăm, ngoan
16	Phạm Thị Kim Ngân	7,5	10,0	3,5	8,5		5,5	6,0	6,5	6.6			Học khá, chăm
17	Nguyễn Phương Ngân	6,5	8,0	4,5	8,0		4,0	4,8	5,5	5.9			Học được
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	7,0	10,0	4,0	8,5		4,8	3,5	5,5	5.6			Học được
19	Nguyễn Thanh Nhân	9,0	8,5	10,0	9,5		9,3	7,6	8,7	8.9			Giỏi, chăm, ngoan
20	Huỳnh Quốc Nhật	9,0	10,0	5,5	7,0		5,3	4,4	6,1	6.5			Học khá, chăm
21	Ngô Thị Danh Nhi	7,0	8,0	9,5	9,5		8,5	5,6	7,5	8.0			Học khá, chăm, ngoan
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	8,0	8,0	7,5	6,5		4,8	4,2	5,8	6.5			Học được
23	Nguyễn Hoài Như	8,0	8,0	7,5	2,5		4,3	3,4	5,0	5.5			Học được
24	Trần Thị Huỳnh Như	7,5	10,0	9,0	9,0		8,5	7,3	8,3	8.3			Giỏi, chăm, ngoan
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	8,5	10,0	7,5	6,0		5,8	7,2	7,2	7.7			Học khá, chăm, ngoan
26	Đỗ Thanh Phong	4,5	5,0	7,0	9,5		5,0	4,2	5,4	5.6			Học được
27	Nguyễn Hoàng Phúc	8,5	5,0	6,0	5,0		4,3	6,4	5,8	6.4			Học được
28	Du Y Phụng	7,0	10,0	9,0	8,5		8,0	6,4	7,7	7.7			Học khá, chăm, ngoan
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	7,0	8,0	5,0	7,5		8,0	5,4	6,6	6.7			Học khá, chăm
30	Trần Lê Yến Phương	3,5	8,0	4,0	8,0		5,0	4,8	5,3	5.1			Học được
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	7,5	10,0	10,0	7,0		8,8	5,8	7,7	7.5			Học khá, chăm, ngoan
32	Nguyễn Thái Sang	6,5	10,0	7,0	5,0		6,5	4,8	6,2	6.4			Học khá, chăm
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	7,0	10,0	7,0	9,5		8,3	5,4	7,4	7.4			Học khá, chăm, ngoan
34	Nguyễn Việt Thanh	7,0	10,0	6,0	9,5		6,5	3,0	6,1	6.6			Học khá, chăm
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	7,5	10,0	8,5	9,0		6,8	3,8	6,7	6.5			Học khá, chăm
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	7,0	10,0	5,0	7,0		3,3	6,0	6,0	6.7			Học khá, chăm
37	Trần Ngọc Anh Thư	9,0	9,0	8,5	9,5		5,3	4,0	6,5	6.5			Học khá, chăm
38	Huỳnh Minh Thư	7,0	10,0	6,0	9,5		8,0	4,6	6,9	7.4			Học khá, chăm, ngoan
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	7,0	10,0	8,0	10,0		9,0	7,4	8,4	8.7			Giỏi, chăm, ngoan
40	Phan Diệu Tiến	8,5	8,0	6,0	5,5		4,5	5,0	5,8	6.2			Học được
41	Võ Thị Cẩm Tú	5,0	8,0	6,5	10,0		7,0	5,7	6,7	7.1			Học khá, chăm
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	10,0	8,0	8,0		7,8	7,1	7,9	8.0			Học khá, chăm, ngoan
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8,0	8,0	9,0	10,0		7,8	5,2	7,4	7.7			Học khá, chăm, ngoan
44	Nguyễn Thanh Vinh	10,0	8,0	7,0			6,3	4,4	6,4	6.5			Học khá, chăm
45	Trần Ngọc Yến Vy	8,0	10,0	10,0	9,5		7,3	6,7	8,0	7.8			Giỏi, chăm, ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

HỌC KỲ II													
Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Phan Gia Bảo	10,0	10,0	10,0			9,0	9,8	9,7	9.6			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
2	Phạm Thái Bình	10,0	9,0	10,0			9,3	9,8	9,6	9.3			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
3	Nguyễn Ngọc Diệp	9,0	8,0	10,0			8,3	9,3	8,9	9.0			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	9.8			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
5	Nguyễn Thành Đạt	8,0	8,0	10,0			8,8	9,5	9,0	8.8			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
6	Phan Thanh Hải	10,0	9,0	10,0			9,3	9,8	9,6	9.5			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
7	Nguyễn Ngọc Hân	10,0	10,0	10,0			8,0	9,5	9,3	9.4			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
8	Đỗ Thành Hậu	10,0	10,0	10,0			9,0	9,8	9,7	9.5			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
9	Trần Thị Kim Hồng	9,0	8,0	10,0			8,5	9,3	9,0	9.1			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
10	Lê Ngân Hương	10,0	10,0	10,0			8,3	9,3	9,3	9.4			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
11	Võ Thị Thuý Kiều	10,0	8,0	10,0			8,0	9,3	9,0	9.0			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
12	Trần Thị Kim Liên	9,0	10,0	10,0			8,5	8,8	9,1	9.1			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
13	Phan Trường Vũ Luân	9,0	9,0	9,0			9,3	8,5	8,9	8.9			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	10,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,4	9.2			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	8,0	8,0	10,0			9,5	9,8	9,3	9.3			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
16	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	10,0	9,0			9,0	9,3	9,4	9.4			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
17	Nguyễn Phương Ngân	10,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,4	9.3			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	8,0	9,0	10,0			8,8	9,0	9,0	8.9			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
19	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	9.8			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
20	Huỳnh Quốc Nhật	8,0	8,0	8,0			9,0	9,8	8,9	9.0			Ngoan, lễ phép. Học tốt.
21	Ngô Thị Danh Nhi	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	9.8			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	8,0	8,0	8,0			7,5	8,3	8,0	8.2			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
23	Nguyễn Hoài Như	8,0	8,0	8,0			7,8	9,5	8,5	8.3			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
24	Trần Thị Huỳnh Như	10,0	10,0	10,0			8,8	9,8	9,6	9.4			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	10,0	10,0	10,0			8,5	9,8	9,6	9.5			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
26	Đỗ Thanh Phong	10,0	9,0	8,0			8,3	9,8	9,1	9.1			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
27	Nguyễn Hoàng Phúc	10,0	8,0	10,0			9,0	9,3	9,2	9.2			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
28	Du Y Phụng	9,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,2	9.1			Ngoan, lễ phép. Học tốt.
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	8,0	8,0	8,0			9,3	9,8	9,0	8.7			Ngoan, lễ phép. Học tốt.
30	Trần Lê Yến Phương	10,0	9,0	8,0			7,8	9,3	8,8	8.7			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	10,0	10,0	10,0			8,0	9,5	9,3	9.2			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
32	Nguyễn Thái Sang	8,0	8,0	8,0			9,3	9,8	9,0	8.6			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	8,0	8,0	8,0			8,5	9,0	8,5	8.4			Ngoan, lễ phép. Học tốt.
34	Nguyễn Việt Thanh	10,0	9,0	8,0			9,0	9,5	9,2	9.0			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	9,0	8,0	8,0			8,8	9,0	8,7	8.7			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	8,0	8,0	8,0			8,8	9,8	8,9	8.8			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
37	Trần Ngọc Anh Thư	10,0	9,0	10,0			9,0	8,8	9,2	9.0			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
38	Huỳnh Minh Thư	10,0	10,0	10,0			8,5	9,0	9,3	9.2			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	10,0	10,0	10,0			7,8	9,3	9,2	9.3			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
40	Phan Diệu Tiến	10,0	9,0	10,0			9,0	9,8	9,6	9.5			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
41	Võ Thị Cẩm Tú	8,0	8,0	10,0			8,3	9,5	8,9	9.0			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	10,0	10,0			8,8	9,8	9,6	9.5			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10,0	10,0	10,0			8,8	8,8	9,3	9.3			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
44	Nguyễn Thanh Vinh	8,0	8,0	8,0			8,5	9,0	8,5	8.2			Ngoan, lễ phép. Học tốt.
45	Trần Ngọc Yến Vy	10,0	9,0	10,0			8,8	9,0	9,2	8.9			Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 41/48

HỌC KỲ II														
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)														
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú		
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại			
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ	Cuối năm
1	Phan Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
2	Phạm Thái Bình	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
3	Nguyễn Ngọc Diệp	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
5	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
6	Phan Thanh Hải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
7	Nguyễn Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
8	Đỗ Thành Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
9	Trần Thị Kim Hồng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
10	Lê Ngân Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
11	Võ Thị Thuý Kiều	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
12	Trần Thị Kim Liên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
13	Phan Trường Vũ Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
16	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
17	Nguyễn Phương Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
19	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
20	Huỳnh Quốc Nhật	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
21	Ngô Thị Danh Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
23	Nguyễn Hoài Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
24	Trần Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
26	Đỗ Thanh Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
27	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
28	Du Y Phụng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
30	Trần Lê Yến Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
32	Nguyễn Thái Sang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
34	Nguyễn Việt Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
37	Trần Ngọc Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
38	Huỳnh Minh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
40	Phan Diệu Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
41	Võ Thị Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
44	Nguyễn Thanh Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
45	Trần Ngọc Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Mộng Linh, Phạm Thị Ngọc Diệu

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ		Cuối năm																									
1	Phan Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
2	Phạm Thái Bình	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
3	Nguyễn Ngọc Diệp	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
5	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
6	Phan Thanh Hải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
7	Nguyễn Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
8	Đỗ Thành Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
9	Trần Thị Kim Hồng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
10	Lê Ngân Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
11	Võ Thị Thuý Kiều	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
12	Trần Thị Kim Liên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
13	Phan Trường Vũ Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
16	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
17	Nguyễn Phương Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
19	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
20	Huỳnh Quốc Nhật	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
21	Ngô Thị Danh Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
23	Nguyễn Hoài Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
24	Trần Thị Huỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
26	Đỗ Thanh Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
27	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
28	Du Y Phụng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
29	Nguyễn Đăng Hồng Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
30	Trần Lê Yến Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
32	Nguyễn Thái Sang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
34	Nguyễn Việt Thanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
37	Trần Ngọc Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
38	Huỳnh Minh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
40	Phan Diệu Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
41	Võ Thị Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
44	Nguyễn Thanh Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
45	Trần Ngọc Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Phan Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	7,9	8,6	8,1	8,3	8,6	7,2	6,6	9,6	9,7	T	T
2	Phạm Thái Bình	Đ	Đ	Đ	7,3	8,6	7,3	7,2	9,2	7,5	5,1	8,3	9,6	K	T
3	Nguyễn Ngọc Diệp	Đ	Đ	Đ	7,3	8,5	8,0	8,0	8,6	6,9	6,3	7,6	8,9	K	T
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đ	Đ	Đ	9,2	9,3	9,2	8,7	9,5	7,4	8,2	8,9	9,9	T	T
5	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	6,9	7,8	5,9	7,0	7,8	5,6	7,1	7,3	9,0	K	T
6	Phan Thanh Hải	Đ	Đ	Đ	6,7	7,4	6,0	7,3	8,4	6,0	5,7	7,3	9,6	K	T
7	Nguyễn Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,5	9,2	8,3	7,4	8,8	8,2	6,8	7,4	9,3	K	T
8	Đỗ Thành Hậu	Đ	Đ	Đ	8,0	8,5	7,9	7,3	7,9	7,4	6,6	8,4	9,7	K	T
9	Trần Thị Kim Hồng	Đ	Đ	Đ	6,7	9,0	7,6	7,9	8,3	7,5	7,1	7,9	9,0	K	T
10	Lê Ngân Hương	Đ	Đ	Đ	7,8	9,1	8,4	8,1	9,0	7,4	6,7	7,6	9,3	K	T
11	Võ Thị Thuý Kiều	Đ	Đ	Đ	7,4	8,6	8,3	8,0	9,4	6,8	5,8	6,6	9,0	K	T
12	Trần Thị Kim Liên	Đ	Đ	Đ	7,6	8,9	8,2	7,2	8,8	7,6	6,6	7,3	9,1	K	T
13	Phan Trường Vũ Luân	Đ	Đ	Đ	7,7	8,7	9,2	6,8	9,2	7,6	7,1	7,6	8,9	K	T
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	Đ	Đ	Đ	6,8	8,3	6,9	7,0	8,2	7,1	6,6	8,9	9,4	K	T
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	Đ	Đ	Đ	7,2	8,9	7,2	7,8	9,4	5,8	7,0	7,6	9,3	K	T
16	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	6,8	9,0	7,6	7,2	8,0	6,8	6,5	9,3	9,4	K	T
17	Nguyễn Phương Ngân	Đ	Đ	Đ	6,6	8,3	7,3	6,8	8,6	4,4	5,5	6,6	9,4	Đ	T
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	Đ	Đ	Đ	7,1	9,0	7,7	8,0	8,2	6,1	5,5	7,6	9,0	K	T
19	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ	Đ	9,2	9,6	8,5	8,8	9,4	8,1	8,7	9,1	9,9	T	T
20	Huỳnh Quốc Nhật	Đ	Đ	Đ	7,5	9,1	8,3	7,6	8,7	5,1	6,1	6,9	8,9	K	T
21	Ngô Thị Danh Nhi	Đ	Đ	Đ	8,8	9,2	8,9	8,8	9,6	7,8	7,5	7,6	9,9	T	T
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	Đ	Đ	Đ	7,7	9,0	8,6	7,5	8,8	6,6	5,8	6,3	8,0	K	T
23	Nguyễn Hoài Như	Đ	Đ	Đ	6,6	8,3	6,2	7,5	8,4	5,4	5,0	8,9	8,5	K	T
24	Trần Thị Huỳnh Như	Đ	Đ	Đ	9,1	9,3	9,3	8,0	9,3	7,1	8,3	6,4	9,6	K	T
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	Đ	Đ	Đ	8,7	9,3	8,3	7,7	8,7	6,5	7,2	6,4	9,6	K	T
26	Đỗ Thanh Phong	Đ	Đ	Đ	6,2	7,0	6,3	7,0	8,5	8,0	5,4	7,6	9,1	K	T
27	Nguyễn Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	7,7	8,6	7,6	7,2	7,8	6,5	5,8	7,4	9,2	K	T
28	Du Y Phụng	Đ	Đ	Đ	6,4	8,3	7,9	6,7	8,6	6,5	7,7	8,7	9,2	K	T
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	Đ	Đ	Đ	6,6	8,0	6,9	7,3	8,2	5,5	6,6	7,9	9,0	K	T
30	Trần Lê Yến Phương	Đ	Đ	Đ	5,3	7,5	5,1	5,9	7,3	4,7	5,3	4,9	8,8	Đ	T
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	Đ	Đ	Đ	7,3	9,2	8,4	7,7	9,5	7,9	7,7	8,1	9,3	K	T
32	Nguyễn Thái Sang	Đ	Đ	Đ	5,9	7,9	7,3	6,9	7,8	6,9	6,2	8,4	9,0	K	T
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	Đ	Đ	Đ	7,4	8,8	7,8	7,5	8,1	3,1	7,4	6,9	8,5	Đ	T
34	Nguyễn Việt Thanh	Đ	Đ	Đ	6,7	7,7	5,6	7,5	6,2	7,0	6,1	7,7	9,2	K	T
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	Đ	Đ	Đ	6,6	8,1	7,2	7,1	7,6	5,9	6,7	7,9	8,7	K	T
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	Đ	Đ	Đ	6,3	7,6	6,8	7,0	8,4	6,1	6,0	7,3	8,9	K	T
37	Trần Ngọc Anh Thư	Đ	Đ	Đ	7,1	8,1	8,2	7,3	8,1	7,9	6,5	7,4	9,2	K	T
38	Huỳnh Minh Thư	Đ	Đ	Đ	8,4	9,1	9,0	8,0	8,5	7,9	6,9	8,1	9,3	T	T
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	Đ	Đ	Đ	8,6	8,9	8,3	7,9	8,8	6,8	8,4	7,0	9,2	T	T
40	Phan Diệu Tiến	Đ	Đ	Đ	8,0	8,8	7,7	7,8	8,4	6,6	5,8	7,7	9,6	K	T
41	Võ Thị Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	7,9	8,4	7,6	7,0	7,6	7,8	6,7	6,7	8,9	K	T
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ	Đ	9,6	9,1	8,9	8,0	9,3	7,9	7,9	7,4	9,6	T	T
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Đ	Đ	Đ	8,9	9,1	9,1	8,3	9,5	6,8	7,4	6,7	9,3	T	T
44	Nguyễn Thanh Vinh	Đ	Đ	Đ	6,2	7,8	5,4	5,3	7,6	4,4	6,4	6,7	8,5	Đ	K
45	Trần Ngọc Yến Vy	Đ	Đ	Đ	7,9	8,5	7,5	7,5	7,9	6,1	8,0	8,0	9,2	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trần Hồ Minh Tiến

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Phan Gia Bảo	T	T			2	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Tổng số học sinh: 45
2	Phạm Thái Bình	T	K				Lên lớp			
3	Nguyễn Ngọc Diệp	T	K				Lên lớp			
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Xuất sắc	
5	Nguyễn Thành Đạt	T	K				Lên lớp			- Được lên lớp: 45 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
6	Phan Thanh Hải	T	K				Lên lớp			
7	Nguyễn Ngọc Hân	T	T			6	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
8	Đỗ Thành Hậu	T	K				Lên lớp			
9	Trần Thị Kim Hồng	T	K			3	Lên lớp			- Không được lên lớp: 0
10	Lê Ngân Hương	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
11	Vô Thị Thuý Kiều	T	K			2	Lên lớp			
12	Trần Thị Kim Liên	T	K				Lên lớp			
13	Phan Trường Vũ Luân	T	K				Lên lớp			Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)
14	Nguyễn Ngọc Diễm My	T	K			1	Lên lớp			
15	Trần Thị Ngọc Mỹ	T	K			2	Lên lớp			
16	Phạm Thị Kim Ngân	T	K			1	Lên lớp			
17	Nguyễn Phương Ngân	T	K			6	Lên lớp			Trần Hồ Minh Tiến
18	Nguyễn Thị Xuân Nghi	T	K			1	Lên lớp			
19	Nguyễn Thanh Nhân	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Xuất sắc	
20	Huỳnh Quốc Nhật	T	K			2	Lên lớp			
21	Ngô Thị Danh Nhi	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
22	Phạm Ngọc Kiều Nhi	T	K			8	Lên lớp			
23	Nguyễn Hoài Như	T	K			9	Lên lớp			
24	Trần Thị Huỳnh Như	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
25	Huỳnh Ngọc Tâm Như	T	K			3	Lên lớp			Nguyễn Minh Triều
26	Đỗ Thanh Phong	T	K				Lên lớp			
27	Nguyễn Hoàng Phúc	T	K			3	Lên lớp			
28	Du Ý Phụng	T	K			2	Lên lớp			
29	Nguyễn Đặng Hồng Phương	T	K			5	Lên lớp			
30	Trần Lê Yến Phương	T	Đ			7	Lên lớp			
31	Huỳnh Đặng Kim Quyên	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
32	Nguyễn Thái Sang	T	K			1	Lên lớp			
33	Nguyễn Hoàng Ngọc Thanh	T	Đ			5	Lên lớp			
34	Nguyễn Việt Thanh	T	K			1	Lên lớp			
35	Nguyễn Thị Ngân Thảo	T	K			2	Lên lớp			
36	Hồ Ngọc Bảo Thơ	T	K			2	Lên lớp			
37	Trần Ngọc Anh Thư	T	K				Lên lớp			
38	Huỳnh Minh Thư	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
39	Nguyễn Thị Bảo Thy	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
40	Phan Diệu Tiến	T	K			1	Lên lớp			
41	Vô Thị Cẩm Tú	T	K			3	Lên lớp			
42	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	T	T			2	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
43	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
44	Nguyễn Thanh Vinh	K	Đ			8	Lên lớp			
45	Trần Ngọc Yến Vy	T	K				Lên lớp			

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều